**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**Tuần 4 – Từ ngày 30.9.2024 đến 4.10.2024**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thứ | Buổi | Môn | Tiết | Tên bài dạy |
| **HAI**  30.9 | Sáng | HĐTN | 10 | Triển lãm tranh tuyên truyền dự án Hành lang xanh |
| Tiếng Việt | 22 | Bài đọc 3: Cô giáo nhỏ |
| Tiếng Việt | 23 | Bài đọc 3: Cô giáo nhỏ  *GDLTCM, ĐĐLS: GD học sinh biết vận dụng những điều đã học vào cuộc sống để giúp đỡ người thân và bạn bè* |
| Toán | 16 | Làm tròn số đến hàng trăm nghìn |
|  |  |  |
| Chiều | Toán ( LT) |  |  |
| Tiếng Anh |  |  |
| Tiếng Anh |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
| **BA**  1.10 | Sáng | Tiếng Việt | 24 | Bài viết 3: Trả bài viết đoạn văn về một nhân vật |
| Tiếng Việt | 25 | Nói và nghe: Trao đổi: Chăm học, chăm làm |
| Toán | 17 | Luyện tập |
| LS - ĐL | 7 | *Chủ đề 3: Di tích lịch sử quốc gia Vũng Rô* |
|  |  |  |
| Chiều | Mĩ thuật |  |  |
| Tin học |  |  |
| GDTC |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
| **TƯ**  2.10 | Sáng | HĐTN | 11 | Dự án Hành lang xanh |
| GDTC |  |  |
| Tiếng việt | 26 | Bài đọc 4: Bài văn tả cảnh |
| Toán | 18 | Luyện tập |
|  |  |  |
| Chiều |  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
| **NĂM**  3.10 | Sáng | Tiếng Anh |  |  |
| Tiếng Anh |  |  |
| Tiếng Việt | 27 | Luyện từ và câu: Luyện tập về danh từ |
| Toán | 19 | Số tự nhiên. Dãy số tự nhiên |
|  |  |  |
| Chiều | Đạo đức | 4 | Bài 2:Em biết ơn người lao động  *GDLTCM, ĐĐLS: GD học sinh thể hiện được lòng biết ơn người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.* |
| LS - ĐL | 8 | Bài 3. Thiên nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ  *ANQP: Nêu ý nghĩa và tầm quan trọng của dãy Hoàng Liên Sơn trong cuộc chiến tranh chống giặc ngoại xâm* |
| Khoa học | 7 | Bài 4. Không khí xung quanh ta |
|  |  |  |
|  |  |  |
| **SÁU**  4.10 | Sáng | Âm nhạc |  |  |
| Tiếng Việt | 28 | Góc sáng tạo: Đố vui: Ai chăm, ai ngoan? |
| Tiếng Việt (LT) |  | Ôn tập |
| Toán | 20 | Viết số tự nhiên trong hệ thập phân |
|  |  |  |
| Chiều | Khoa học | 8 | Bài 4. Không khí xung quanh ta |
| HĐTN | 12 | Tổng kết dự án Hành lang xanh |
| Công nghệ |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

**Môn: Hoạt động trải nghiệm**

**Sinh hoạt dưới cờ: Triển lãm tranh tuyên truyền dự án Hành lang xanh**

**Ngày dạy: 30/09/2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

- Tích cực tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và của nhà trường.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

*- Năng lực giao tiếp, hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

*- Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm vàGV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực riêng:***

- Trang trí hành lang lớp học.

- Xây dựng góc *Nghệ thuật thiên nhiên*.

**3. Phẩm chất**

*- Chăm chỉ, trách nhiệm:* có ý thức tự lập, tự giác tham gia hoạt động của trường lớp; có tinh thần làm việc nhóm tích cực và hiệu quả.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

- Hoạt động nhóm, thực hành, trực quan.

- Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.

**2. Thiết bị dạy học**

**a. Đối với giáo viên**

- Giáo án, SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 4.

- Tranh ảnh liên quan đến dự án *Hành lang xanh*.

- Các dụng cụ cần thiết vào hoạt động thực tế.

**b. Đối với học sinh**

- SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 4.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **35p** | - GV Tổng phụ trách Đội giới thiệu nội dung triển lãm tranh tuyên truyền dự án Hành lang xanh, nhấn mạnh ý nghĩa của dự án đối với việc giữ gìn trường xanh, sạch, đẹp.    - GV hướng dẫn HS trưng bày các bức tranh tuyên truyền dự án Hành lang xanh.  - GV tổ chức cho HS đi tham quan các bức tranh đã được trưng bày trong triển lãm.  + GV có thể dẫn HS đi lẫn lượt từng khu vực để xem tranh.  + GV có thể đặt câu hỏi cho HS về các bức tranh:   * *Nội dung thể hiện qua bức tranh là gì?* * *Em thấy ấn tượng và thích bức tranh nào nhất?* * *Tại sao em lại thích bức tranh đó?* * *Bức tranh muốn truyền tải thông điệp gì tới em?*   - GV mời 1 – 2 HS trình bày cảm nhận về các bức tranh và thông điệp được truyền tải qua các bức tranh.  - GV mời một số học sinh chia sẻ cảm nghĩ sau buổi triển lãm. | - HS lắng nghe lời giới thiệu của GV.  - HS trưng bày các bài vẽ của mình theo khu vực được phân công.  - HS tham quan các bức tranh có trong triển lãm.  - HS chia sẻ cảm nhận về các bức tranh và thông điệp của tranh.  - HS chia sẻ cảm nghĩ về buổi triển lãm.  - HS chia sẻ cảm nhận và những điều rút ra từ triển lãm. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy**

**Môn: Tiếng Việt**

**BÀI ĐỌC 3: CÔ GIÁO NHỎ (2 tiết)**

**Ngày dạy: 30/09/2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù:**

***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ:***

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ HS dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng ngữ pháp- ngữ nghĩa. Tốc độ đọc khoảng 75- 80 tiếng/phút. Thể hiện được giọng đọc xúc động phù hợp với các ý nghĩa nhân văn sâu sắc của câu chuyện. Đọc thầm nhanh hơn lớp 3.

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài. Trả lời được các CH về nội dung của các đoạn và toàn bài. Hiểu được đặc điểm của nhân vật Giên; tuy còn nhỏ nhưng đã biết vận dụng những điều học được vào cuộc sống để giúp đỡ được người thân và bạn bè.

***1.2. Phát triển năng lực văn học:***

- Cảm nhận được những đặc điểm đáng yêu của nhân vật Giên

- Bày tỏ được cảm xúc đối với nội dung, ý nghĩa câu chuyện.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn có thảo luận nhóm); NL tự chủ và tự học (trả lời đúng các CH đọc hiểu). Bồi dưỡng phẩm chất chăm chỉ (biết vận dụng những điều đã học vào cuộc sống để giúp đỡ người thân và bạn bè); PC nhân ái (mong muốn bà, mẹ, và các bạn cũng biết chữ như mình)

\* *GDLTCM, ĐĐLS: GD học sinh biết vận dụng những điều đã học vào cuộc sống để giúp đỡ người thân và bạn bè*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV chuẩn bị: Tranh minh hoạ bài đọc trong SGK.

- HS chuẩn bị: SGK Tiếng Việt 4, tập một, Vở bài tập Tiếng Việt 4, tập một.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 4p  20p  20p  10’  5p | **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:**  - GV cho HS ôn lại *Bài đọc 2: Lên rẫy*  *+*Cảnh vật thiên nhiên trên đường đi đẹp như thế nào?  + Tìm những từ thể hiện cảm xúc của bạn nhỏ khi được giúp mế làm rẫy?  + Em có cảm nghĩ gì về bạn nhỏ trong bài thơ?  - GV nhận xét giọng đọc và câu trả lời của học sinh.  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN** **THỨC:**  **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng:**  - GV đọc mẫu cho HS bài *Cô giáo nhỏ*  - GV cùng HS giải nghĩa một số từ ngữ khó:  *+ Miễn phí: cho phép hưởng một dịch vụ mà không phải trả tiền.*  *+ Hẻo lánh: (nơi) xa, ít người qua lại.*  *+ Ngóng cổ: trông chờ, mong đợi một điều gì đó*  *+ Cha sinh mẹ đẻ: lúc mới sinh (thường dùng để nhấn mạnh điều từ trước tới nay chưa từng thấy, chưa từng có)*  - Bài đọc có thể chia làm mấy đoạn?  *-* GV tổ chức và hướng dẫn cho HS luyện đọc: *Đọc nối tiếp đoạn.*  + GV gọi 6 HS bất kì đọc bài, từng em đứng lên đọc tiếp nối đến hết bài.  + GV sửa lỗi phát âm, uốn nắn tư thế đọc cho HS.  🡪GDHS: đọc đúng từ ngữ, ngắt nghỉ hơi phù hợp.  - GV tổ chức HS đọc nối tiếp 6 đoạn.  - GV mời đại diện nhóm đọc (ít nhất là 2 nhóm), sau đó cho các HS khác nhận xét.  - GV nhấn mạnh vào những từ ngữ khó đọc: miễn phí, hẻo lánh, ngóng cổ, cha sinh mẹ đẻ,…)  **Hoạt động 2: Đọc hiểu:**  - GV mời 5 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ ràng 5 câu hỏi:  *+* [Trường học của Giên ở đâu? Ngôi trường này có gì đặc biệt?](https://toploigiai.vn/doc-ba-nang-cong-chua-tieng-viet-4-canh-dieu-tap-1" \l "1)  [+ Cô giáo đã chứng kiến việc gì lúc đến nhà Giên?](https://toploigiai.vn/doc-ba-nang-cong-chua-tieng-viet-4-canh-dieu-tap-1" \l "2)  [+ Theo em, vì sao Giên không trả được sách đúng hạn?](https://toploigiai.vn/doc-ba-nang-cong-chua-tieng-viet-4-canh-dieu-tap-1" \l "3)  [+ Vì sao cô giáo nghẹn ngào nói: “Ồ không, Giên!Cô phải xin lỗi em mới đúng.” Khi Giên xin lỗi cô?](https://toploigiai.vn/doc-ba-nang-cong-chua-tieng-viet-4-canh-dieu-tap-1" \l "4)  [+ Việc làm của Giên đáng khen như thế nào?](https://toploigiai.vn/doc-ba-nang-cong-chua-tieng-viet-4-canh-dieu-tap-1" \l "4)  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Qua bài đọc, em hiểu nội dung bài nói về điều gì?*  + GV mời 2 - 3 HS trả lời. HS khác nhận xét, nêu ý kiến (nếu có).  *\*GDLTCM, ĐĐLS: GD học sinh biết vận dụng những điều đã học vào cuộc sống để giúp đỡ người thân và bạn bè*  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi và động viên HS các nhóm.  **C. LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH:**  **Hoạt động: Đọc diễn cảm đoạn 3.**  - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm đoạn 3 với giọng đọc nhẹ nhàng, thể hiện cảm xúc trầm lắng, xúc động khi cô giáo biết việc làm tốt của Giên.  - Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm.  - GV nhận xét HS đọc bài, tuyên dương, khích lệ HS.  **D. Củng cố nối tiếp**  - GV nêu câu hỏi thảo luận: *Em học tập được điều gì ở Giên?*  - GV mời đại diện 1 - 2 HS trình bày suy nghĩ của mình trước lớp.  - GV nhận xét, khích lệ những suy nghĩ tích cực của HS.  ***🡪GDHS: Có ý thức trong học tập, để đạt được những thành tích mong muốn.***  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS tốt.  - Xem và chuẩn bị bài: *nói và nghe: trao đổi chăm học, chăm làm* | - HS đọc bài và trả lời câu hỏi.  - HS đọc bài và trả lời câu hỏi.  + Nhận xét câu trả lời của bạn.  - HS lắng nghe.    - HS lắng nghe GV đọc mẫu, đọc thầm theo.  - HS cùng GV giải nghĩa từ khó.        - HS trả lời: chia làm 6 đoạn  + Đoạn 1: Từ đầu đến “với nhà trường ạ”  + Đoạn 2: Tiếp đến “được đi học”  + Đoạn 3: Tiếp đến “ê a đánh vần”  + Đoạn 4: Tiếp đến “học trò”  + Đoạn 5: Tiếp đến “lấm lem nhọ nồi”  + Đoạn 6: Còn lại.  - HS luyện đọc theo hướng dẫn.  - HS đọc nối tiếp bài đọc trước lớp.        - HS đọc bài theo nhóm.  - HS đại diện nhóm đọc bài trước lớp, các HS khác lắng nghe và nhận xét.  - HS phân biệt các âm, vần, thanh dễ lẫn, sửa phát âm sai (nếu có).    - HS đọc tiếp nối câu hỏi; các HS khác lắng nghe, đọc thầm theo.  - HS thảo luận theo nhóm 5.  + HS đại diện nhóm trả lời các câu hỏi, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *-*  Trường học của Giên ở một vùng quê hẻo lánh ở Châu Phi. Gọi là trường nhưng thực chất lớp dạy học miễn phí. HS là con cháu của những người nông dân suốt ngày cặm cụi trên những cánh đồng ngô cháy nắng.  *-* Cô giáo đã chứng kiến cảnh Giên đang làm “cô giáo”, hướng dẫn bà, mẹ và các bạn nhỏ trong xóm đánh vần. Cuốn sách Giên dùng để dạy chữ ở lớp học của mình chính là cuốn truyện tranh mượn của cô giáo.  *-* Giên đang phải dùng sách để dạy bà, mẹ và các bạn đọc.  *-* Vì cô đã hiểu lầm Giên. Cô không biết là Giên trả sách chậm vì phải dùng quyển sách để làm một việc rất đáng khen: dạy bà, mẹ và các bạn đọc.  - *Giên đã biết đem những điều học được vận dụng vận dụng vào cuộc sống. Việc làm của Giên còn thể hiện tình yêu thương của mình đối với người thân và bạn bè.*  - HS trả lời.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS thi đọc.  - HS lắng nghe.      - HS thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi theo suy nghĩ của mình.  - HS trình bày suy nghĩ của mình trước lớp.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy**

**Môn: Toán**

**LUYỆN TẬP**

**Ngày dạy: 30/09/2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

*1. Năng lực đặc thù:*

- *Năng lực tư duy và lập luận toán học*: Luyện tập về đọc, viết, so sánh các số có nhiều chữ số, làm tròn số đến hàng trăm nghìn.

- *Năng lực giải quyết vấn đề toán học*: Nhận biết số chẵn, số lẻ. Vận dụng được cách so sánh, phân tích các số có nhiều chữ số và làm tròn số đến hàn trăm nghìn vào thực tế cuộc sống.

*2. Năng lực chung.*

- *Tự chủ và tự học*: Học sinh tích cực, chủ động suy nghĩ để giải các bài tập.

- *Giao tiếp và hợp tác*: Trao đổi, thảo luận với bạn bè về các cách giải các bài toán về số chẵn, số lẻ, làm tròn số đến hàng trăm nghìn qua các bài tập và tình huống thực tế

- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Đề xuất được các cách giải khác nhau đối với bài toán liên quan đến số chẵn, số lẻ, làm tròn số trong thực tế cuộc sống.

*3. Phẩm chất.*

Hình thành sự chăm chỉ, trung thực và ý thức trách nhiệm đối với bản thân và tập thể. Biết chăm chỉ học tập nghiêm túc. Yêu thích học Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- ***GV***: Bảng phụ ghi các hàng từ trăm triệu đến đơn vị trong đó có các ô để học sinh có thể điền số và viết số; SGK Toán 1.

- ***HS***: SGK, VBT Toán tập 1, bộ đồ dùng học Toán 4.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5p**  **25p**  **5p** | **A. Hoạt động mở đầu**  **- *Ổn định tổ chức:*** Cho HS hát “ Bé học phép trừ”.  - ***Khởi động***: Yêu cầu HS quan sát câu hỏi và trả lời.  + Số chẵn là gì? Hãy nêu ví dụ?  + Số lẻ là gì? Hãy nêu ví dụ?  + Cách đọc các số chẵn lẻ như thế nào?  + Hãy nêu lại quy ước làm tròn số đến hàng trăm nghìn  - GV gọi học sinh nhận xét câu trả lời của các bạn.  - ***Kết nối***: Ở lớp 2, 3 chúng ta đã học cách làm tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn, tròn chục nghìn lớp 4 học tròn trăm nghìn, cách đọc và nhận biết so sánh số chẵn, số lẻ như thế nào. Hôm nay các em sẽ được luyện tập và thực hành các dang toán đó để khác sâu kiến thức về nó hơn.  - ***Ghi bảng***: Luyện tập - Trang 28, 29  **B. Hoạt động luyện tập, thực hành**  **Bài 1: Cá nhân**  - GV gọi HS nêu yêu cầu của bài tập.  - Bài tập 1 thực hiên theo gì?  + Quan sát bài tập hãy cho biết trong đó có mấy lớp, đó là lớp nào?  + Lớp đơn vị có mấy hàng đó là những hàng nào?  + Lớp nghìn có mấy hàng đó là những hàng nào?  + Lớp triệu có mấy hàng đó là những hàng nào?  - **Mẫu: Số 150 927 643** gồm mấy hàng, mấy lớp? Hãy nêu các chữ số ở các hàng và lớp đó.  - Hãy đọc Số 150 927 643.  - GV gọi HS đọc lại các số vừa phân tích hàng và lớp.  - Yêu cầu HS làm bài, sau đó kiểm tra  rồi đổi chéo vở kiểm tra kết quả.  - Gọi HS nhận xét  - GV nhận xét chữa bài.  **\* GV chốt chuyển**  **Bài 2: nhóm đôi**  - GV gọi HS nêu yêu cầu của bài tập.  - Bài tập 2 yêu cầu là gì?    - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và tìm hiểu từng con số, viết thành số, số đó có mấy chữ số, số đó có mấy số 0.  - YC học sinh nêu và chia sẻ cách làm của nhóm trước lớp.  - *Số 39 000 nghìn gồm mấy chữ số? Có mấy chữ số 0?*  - *Số 600 000 nghìn gồm mấy chữ số? Có mấy chữ số 0?*  - *Số 85 000 000 triệu gồm mấy chữ số? Có mấy chữ số 0?*  - *Số 20 000 000 triệu gồm mấy chữ số? Có mấy chữ số 0?*  - *Số 700 000 000 triệu gồm mấy chữ số? Có mấy chữ số 0?*  - GV yêu cầu HS làm bài vào vở, sau đó đổi chéo vở kiểm tra cách làm cùng bạn trong nhóm.  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - GV nhận xét, tuyên dương nhóm thực hiện tốt, nhanh.  **\* GV chốt chuyển**  **Bài 3:**  - Đọc yêu cầu bài  - Bài yêu cầu làm gì?  ***3.1. Nhận biết số chẵn, số lẻ.***  - GV cho HS thảo luận nhóm 4 và lấy một số ví dụ cụ thể.  + Số nào là số chia hết cho 2? Lấy ví dụ các số đó?  ***\* Ghi chú:*** Số chia hết cho 2 là số chia cho 2 không còn dư.  + Số nào là số không chia hết cho 2? Lấy ví dụ  ***\* Chi chú***: Số không chia hết cho 2 là số chia cho 2 còn dư 1.  - GV gọi học sinh đọc lại phần ghi chú trên bảng.  ***3.2. Luyện tập, thực hành***.  - Gọi HS đọc yêu cầu của bài.  - GV yêu cầu HS làm bài, và đổi chéo kiểm tra kết quả.  **a)** *Trong các số 41, 42, 43, 100, 3 015, 60 868, số nào là số chẵn? Số nào là số lẻ?*  **b)** *Nhận xét về chữ số tận cùng trong các số lẻ, các số chẵn ở câu a.*  **c)** Đọc thông tin sau rồi lấy ví dụ minh họa:  • Các số có chữ số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8 thì chia hết cho 2.  • Các số có chữ số tận cùng là 1, 3, 5, 7, 9 thì không chia hết cho 2.  ***3.3. Vận dụng***  - Từ nhận xét trên Yêu cầu HS lấy ví dụ minh họa về các số chia hết cho 2 và các số không chia hết cho 2.  - GV nhận xét, chưa bài, tuyên dương.  **\* GV chốt chuyển:**  **Bài 4: cá nhân**  - HS đọc yêu cầu bài.  - Bài tập 4 yêu cầu làm gì?  - Yêu cầu HS tự làm vào vở bài tập.  ***\* Hướng dẫn***: HS đếm thêm các số chẵn và số lẻ tương ứng trong ô ?  - GV yêu cầu HS đổi vở kiểm tra kết quả.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **\* GV chốt chuyển.**  **Bài 5**  - HS đọc yêu cầu bài  - Bài tập yêu cầu làm gì?  ***\* Hướng dẫn***: Cho HS chơi trò chơi theo nhóm 4. Một bạn nêu một số có 4 chữ số tùy ý, chỉ một bạn trong nhóm cho biết là số chẵn hay số lẻ. Bạn trả lời đúng thì tiếp tục nêu một số và yêu cầu thành viên khác trong nhóm trả lời. Cứ thay phiên và đến khi tất cả các thành viên trong nhóm trả lời.  - GV yêu cầu tất cả các nhóm cùng tham gia chơi.  - GV cho HS nhận xét, nêu lại cách nhận số chẵn và số lẻ và dựa vào số tận cùng.  - GV nhận xét các nhóm chơi.  **\* GV chốt chuyển**  **Bài 6: cá nhân**  - HS đọc yêu cầu bài  - Bài tập yêu cầu làm gì?    - GV nhận xét. Khen học sinh.  *\* Chú mèo đi đi theo con đường ghi các*  *số như sau: 32; 90; 16; 632; 70; 80; 16;*  *674; 62; 720; 890.*  **\* GV chốt chuyển**  **Bài 7**  - HS đọc yêu cầu bài  - Bài tập yêu cầu làm gì?  \* HS học sinh làm bài: Quan sát bảng số liệu dân số của Thái Bình, Đà Nẵng, Bình Dương, Quảng Ninh. Đọc dân số của các tỉnh đó, và sắp xếp các tỉnh có dân số từ thấp đến cao.  - HS làm vở bài tập.  *a) Em hãy đọc số dân của các tỉnh, thành phố đó theo thứ tự tăng dần.*  *b) Em hãy làm tròn số dân của các tỉnh, thành phố đó đến hàng trăm nghìn.*  - GV yêu cầu HS đổi chéo vở kiểm tra bài làm của nhau.  - GV yêu cầu HS nhận xét, chữa bài bạn  - GV nhận xét, chữa bài, khen HS.  **\* GV chốt chuyển**  **C. Hoạt động vận dụng**  **Bài 8:**  - HS đọc yêu cầu bài  - Bài tập yêu cầu làm gì?  - HS tìm hiểu giá tiền một số đồ vật, ghi lại các con số chỉ giá tiền cho bạn nghe.  - GV nhận xét, khen HS nêu được nhiều nhất các đồ vật có quanh ta và nêu được  giá tiền của các vật dụng đó.  **\* Củng cố nối tiếp**  - Qua bài học hôm nay các em biết thêm những điều gì ?  - Hãy nêu cảm nhận qua bài học em luyện tập được những gì?  - Nhận xét tiết học  - Chuẩn bị bài tiếp theo: *Số tự nhiên, dãy số tự nhiên* - Trang 31, 32. | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ.  - Quan sát đọc câu hỏi và trả lời:  - Số chẵn là những số có đuôi sau cùng là các số 0, 2, 4, 6, 8.  ***Ví dụ:*** 2, 4, 6, 8, 10, 12, 14, 16,....  - Số lẻ là số sau cùng có đuôi là 1, 3, 5, 7, 9 và khi chia cho 2 sẽ có số dư.  ***Ví dụ:*** 11, 13, 15, 17, 19, 21, 23,....  - HS đọc.  - Nếu chữ số đầu tiên trong các chữ số bị bỏ đi nhỏ hơn 5 thì ta giữ nguyên bộ phận còn lại. Trong trường hợp số nguyên thì ta thay các chữ số bỏ đi bằng chữ số 0.  + Nếu chữ số đầu tiên trong các chữ số bị bỏ đi lớn hơn hoặc bằng 5 thì ta cộng thêm 1 vào chữ số cuối cùng của bộ phận còn lại. Trong trường hợp số nguyên thì ta thay các chữ số bỏ đi bằng chữ số 0.  - Nhận xét câu trả lời.  - HS lắng nghe.  - HS nhắc nối tiếp đầu bài và ghi vở  - HS nêu yêu cầu của bài tập.  - Thực hiện (theo mẫu):  + Có 3 lớp, đó là các lớp: Lớp đơn vị. Lớp nghìn. Lớp triệu.  + Lớp đơn vị có 3 hàng đó là các hàng: hàng trăm, hàng chục và hàng đơn vị  + Lớp nghìn có ba hàng: hàng nghìn, hàng chục nghìn và hàng trăm nghìn.  + Lớp triệu có 3 hàng: hàng triệu, hàng chục triệu, hàng trăm triệu.  **- Mẫu:** Số 150 927 643 gồm 3 hàng, 3 lớp. + Lớp đơn vị gồm:6 trăm, 4 chục và 3 đơn vị .  + Lớp nghìn gồm: 9 trăm nghìn, 2 chục nghìn và 7 nghìn.  + Lớp triệu gồm:1 trăm triệu, 5 chục triệu.  **- Đọc số:** *Một trăm năm mươi triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm bốn mươi ba*  - HS đọc  - HS làm bài, đổi vở kiểm tra chéo nhau.  - Nhận xét  - Nghe GV nhận xét.  **Bài 2: nhóm đôi**  - HS nêu yêu cầu  ủa bài tập.  - Bài tập 2 yêu cầu là: Viết các số sau rồi cho biết mỗi số có bao nhiêu chữ số, mỗi số có bao nhiêu chữ số 0:  - HS thảo luận nhóm đôi và tìm hiểu từng con số, viết thành số, số đó có mấy chữ số, số đó có mấy số 0.  - Đại diện nhóm chia sẻ trước lớp.  - Ba mươi chín nghìn: 39 000. Số 39 000 có 5 chữ số và có 3 chữ số 0.  - Sáu trăm nghìn: 600 000. Số 600 000 có 6 chữ số và có 5 chữ số 0.  - Tám trăm lăm triệu: 85 000 000. Số 85 000 000 có 8 chữ số và có 6 chữ số 0.  - Hai mươi triệu: 20 000 000. Số 20 000 000 có 8 chữ số và có 7 chữ số 0.  - Bảy trăm triệu: 700 000 000. Số 700 000 000 có 9 chữ số và có 8 chữ số 0.  - HS làm bài vào vở.  *Lời giải*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Số đã cho** | **Viết số** | **Số chữ số** | **Chữ số 0** | | Ba mươi chín nghìn | 39 000 | 5 | 3 | | Sáu trăm nghìn | 600 000 | 6 | 5 | | Tám trăm lăm triệu | 85 000 000 | 8 | 6 | | Hai mươi triệu | 20 000 000 | 8 | 7 | | Bảy trăm triệu | 700 000 000 | 9 | 8 |   - Nhận xét bài của bạn trong nhóm.  **Bài 3:**  - Đọc yêu cầu bài.  - Bài yêu cầu về số chẵn, số lẻ.  - HS thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi.  + Số chia hết cho 2 là số chẵn.  ***Ví dụ***: 0, 2, 4, 6, 8, .., 156, 158, 160, ... là các số chẵn.  + Số không chia hết cho 2 là số lẻ.  ***Ví dụ***: 1, 3, 5, 7, 9, ... 567, 569, 571, ... là các số lẻ.  - 3 HS đọc lại ghi chú trên bảng  - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm bài vào vở bài tập, sau đó đổi vở kiểm tra kết quả của nhau.  **a)** Trong các số đã cho:  + Số chẵn: 42, 100, 60 868.  + Số lẻ: 41, 43, 3 015.  **b)** Trong các số đã cho:  + Chữ số tận cùng trong các số chẵn ở câu a là: 0, 2, 8.  + Chữ số tận cùng trong các số lẻ ở câu a là: 1, 3, 5.  **c)** ***Ví dụ.***  - Các số chia hết cho 2 là 24, 40, 42, 64, 76, 88, 90,...  - Các số không chia hết cho 2 là 21, 43, 45, 67, 79,.....    - Các số chia hết cho 2: 100, 102, 104, 106,.... 1000, 2022, 2224,.....  - Các số không chia hết cho 2: 101, 103, 105, 107, 109,.... 211, 213, 215, 217, 219,.... 301, 303,....  **Bài 4: cá nhân**  - HS đọc yêu cầu bài.  - a) Nêu số chẵn, lẻ thích hợp cho mỗi ô ? sau:  - HS tự làm vở bài tập.  *Lời giải*  a) Dãy số đã cho gồm các số chẵn liên tiếp cách đều 2 đơn vị.  Vậy ta điền như sau:  280; 282; 284; **286 ; 288** ; 290  b) Dãy số đã cho gồm các số lẻ liên tiếp cách đều 2 đơn vị.  Vậy ta điền như sau:  8 16; 8 169; 8 171; **8 173 ;**  **8 175 ;** 8 177.  - HS đổi vở kiểm tra kết quả.  **Bài 5**  - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Viết một số có bốn chữ số rồi đố bạn số đó là số chẵn hay số lẻ.    - HS nghe HS chơi trò chơi.  **Ví dụ**:  ***+ Bạn A:*** Đố bạn số 2 024 là số chẵn hay số lẻ?  ***Bạn B*** trả lời: Số 2 024 là số chẵn.  ***+ Bạn C***: Đố bạn số 1224 là số chẵn hay số lẻ?  ***⟹ Bạn D*** trả lời: Số 1224 là số chẵn.  ***Bạn A***: Đố bạn số 1313 là số chẵn hay số lẻ?  ***⟹ Bạn B*** trả lời: Số 1313 là số lẻ,.....  **Bài 6: cá nhân**  - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Em hãy chỉ đường giúp chú mèo tìm  được cuộn len bị thất lạc bằng cách đi theo con đường ghi các số chẵn:    **Bài 7**  - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Bảng dưới đây cho biết thông tin về dân số của một số tỉnh, thành phố ở nước ta năm 2020:    *a) Sắp xếp các tỉnh, thành phố theo thứ tự số dân tăng dần*: Đà Nẵng, Quảng Ninh, Thái Bình, Bình Dương.  Đọc số dân của các tỉnh, thành phố đó theo thứ tự tăng dần:  + Một triệu một trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm; 1 169 500  + Một triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm; 1 370 600  + Một triệu tám trăm bảy mươi nghìn hai trăm; 1 870 2000  + Hai triệu năm trăm tám mươi nghìn sáu trăm; 2 580 600.  b) *Làm tròn số dân của các tỉnh, thành phố đó đến hàng trăm nghìn*.  + Làm tròn dân số tỉnh Thái Bình đến hàng trăm nghìn là 1 900 000.  + Làm tròn dân số tỉnh Đà Nẵng đến hàng trăm nghìn là 1 200 000.  + Làm tròn dân số tỉnh Bình Dương đến hàng trăm nghìn là 2 600 000.  + Làm tròn dân số tỉnh Quảng Ninh đến hàng trăm nghìn là 1 300 000.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tỉnh thành** | **Số dân (người)** | **Làm tròn** | | Đà Nẵng | 1 169 500 | 1 200 000. | | Quảng Ninh | 1 370 600 | 1 300 000 | | Thái Bình | 1 870 200 | 1 900 000 | | Bình Dương | 2 580 600 | 2 600 000 |   - Kiểm tra đổi vở.  - HS nhận xét chưa bài cùng nhau.  - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Em hãy tìm hiểu giá tiền một số đồ vật có giá trị đến triệu đồng, chục triệu đồng, trăm triệu đồng rồi ghi lại.  *Ví dụ:*  *- Chiếc máy tính để bàn có giá khoảng 8 triệu đồng.*  *- Chiếc tủ lạnh có giá khoảng 23 triệu đồng.*  *- Chiếc ô tô có giá khoảng 750 triệu đồng.*  + HS nêu giá tiền của một số đồ vật quanh cuộc sống hàng ngày của chúng ta và gia đình.  **Ví dụ:** Chiếc xe máy có giá khoảng 40 triệu đồng.  Chiếc ti vi có giá khoảng 25 triệu đồng.  Chiếc điện thoại di dộng có giá khoảng 15 triệu đồng.  Cái bảng con có giá khoảng 15 000 đồng  Hộp phấn có giá khoảng 5 000 đồng  Quyển vở ô ly 80 trang có giá khoảng  10 000 đồng,....  - HS nghe.  - HS trả lời.  - HS nêu cảm nhận sau khi luyện tập xong. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy**

**Môn: Tiếng Việt**

**Bài viết 3: Trả bài viết đoạn văn về một nhân vật**

**Ngày dạy: 01/10/2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù:**

***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ:***

- Nghe-hiểu, đọc-hiểu lời nhận xét của cô giáo (thầy giáo) về bài viết của mình và các bạn.

- Có kĩ năng phát hiện và chữa lỗi về cấu tạo, nội dung, cách dùng từ, đặt câu, chính tả để hoàn thiện bài viết.

***1.2. Phát triển năng lực văn học:***

- Bước đầu biết lựa chọn, sử dụng từ ngữ biểu đạt tình cảm, cảm xúc khi viết về nhân vật.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Phát triển NL giải quyết vấn đề và sáng tạo (khi tham gia phát hiện lỗi, chữa bài, viết lại đoạn văn trong bài). Bồi dưỡng phẩm chất nhân ái (trân trọng thành quả và sự tiến bộ của bạn trong học tập)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV chuẩn bị: Ti vi, máy tính, tranh minh hoạ bài đọc trong SGK.

- HS chuẩn bị: SGK Tiếng Việt 4, tập một, Vở bài tập Tiếng Việt 4, tập một.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 4p  8p  8p  5’  7p  4p | **1. Khởi động:**  - GV tổ chức cho HS hát và kết hợp vận động một bài mà các em yêu thích.  - GV dẫn dắt vào bài mới: Trong tiết học trước, các em đã được làm bài luyện tập viết đoạn văn về một nhân vật. Hôm nay, cô (thầy) sẽ hướng dẫn các em sửa các lỗi chung về cấu tạo và nội dung đoạn văn cho bài văn đó nhé.  **2. Thực hành luyện tập**  **\*HĐ1: Nghe nhận xét chung về bài viết của cả lớp.**  **-** GV nhận xét chung về bài viết của cả lớp:  + Ưu điểm, nhược điểm chung của cả lớp.  + Những lỗi chính tả điển hình về bố cục, nội dung, dùng từ, đặt câu, chính tả, .... (Trình chiếu trên màn hình)  + Tuyên dương những HS có bài viết hay, có tiến bộ nổi bật.  + GV chọn đọc một số bài viết hay.  **\*HĐ2: Tham gia sửa bài cùng cả lớp**  - GV tổ chức cho HS chữa một số lỗi điển hình (về cấu tạo, nội dung, cách dùng từ, đặt câu, chính tả,...) của lớp.  - GV trình chiếu lên màn hình những lỗi phổ biến trong bài chấm.  - Mời HS chia sẻ cách sửa lỗi.  - GV chốt ý cách sửa.  **\**Lưu ý*:**  + Có thể xây dựng các BT chữa lỗi với nguồn ngữ liệu từ bài viết của HS (Trình chiếu lên slide)  + Có thể tổ chức HĐ nhóm hoặc HĐ lớp.  + Có thể cho HS nghe bài viết đoạn văn về một nhân vật tốt.  **HĐ3: Tự sửa bài**  - GV hướng dẫn HS tự sửa bài bài viết của mình.  + Đọc kĩ nhận xét của GV về bài viết của mình.  + Tự sửa lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả, ... trong bài.  \*GV theo dõi và hỗ trợ HS gặp khó khăn,  **HĐ 4: Đổi bài cho bạn để kiểm tra việc sửa lỗi.**  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi: đổi bài viết (đã sửa), góp ý để bạn hoàn thiện bài viết (nếu có).  - Mời 1 – 2 HS báo cáo kết quả sửa bài.  - GV nhận xét, bổ sung ý kiến để HS tiếp tục hoàn thiện bài viết (nếu cần).  **3. Củng cố nối tiếp**  GV hỏi: Qua tiết học hôm nay, các em đã làm được những gì?  - GV nhắc HS phải chú ý thực hiện đúng yêu cầu khi viết một đoạn văn về nhân vật.  - GV nhận xét tiết học và hướng dẫn HS chuẩn bị cho bài *Góc sáng tạo*: *Đố vui: Ai chăm, ai ngoan.* | - TBVN bắt nhịp cho cả lớp hát kết hợp vận động theo nhạc.  - HS lắng nghe.  - HS chú ý theo dõi  - Lắng nghe để học tập  - Làm việc cả lớp.  - HS đọc bài trên màn hình, phát hiện ra những lỗi phổ biến.  - Suy nghĩ và nối tiếp chia sẻ cách sửa lỗi những lỗi điển hình đó.  - HS làm việc cá nhân:  + Đọc kĩ nhận xét của GV về bài viết của mình.  + Tự sửa lỗi về dùng từ, đặt câu, chính tả, ... trong bài.  - HS làm việc nhóm đôi: đổi bài viết (đã sửa), góp ý để bạn hoàn thiện bài viết (nếu có).  - 1-2 HS báo cáo kết quả sửa bài. Lớp theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần)  - Lắng nghe để rút kinh nghiệm.  - Hs trả lừoi  - Lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy**

**Môn: Tiếng việt**

**Nói và nghe**

**Trao đổi: CHĂM HỌC, CHĂM LÀM**

**Ngày dạy: 01/10/2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù:**

***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ:***

- Trình bày được ý kiến về tính cách của nhân vật trong một câu chuyện đã học.

- Trao đổi với các bạn về những việc làm của bản thân (hoặc của người khác) thể hiện được đức tính chăm chỉ trong học tập và lao động

- Biết điều chỉnh bài nói phù hợp với thái độ, phản hồi của người nghe.

- Biết cách nghe, ghi chép vắn tắt nhận xét về bài nói và ý kiến của bạn trong trao đổi về cách đặt câu hỏi hoặc phát biểu ý kiến.

***1.2. Phát triển năng lực văn học:***

- Cảm nhận được đặc điểm nhân vật trong văn bản đã học.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (biết nghe, ghi, trao đổi cùng các bạn, chủ động, tự nhiên, tự tin, có thái độ đúng khi nghe và nói: lắng nghe, tôn trọng người nói, tôn trọng người nghe)

- Bồi dưỡng PC chăm chỉ (có ý thức chăm chỉ, yêu quý những người say mê học tập, ham thích lao động)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

– GV chuẩn bị: Ti vi, máy tính, tranh minh hoạ bài kể chuyện trong SGK

– HS chuẩn bị: SGK Tiếng Việt 4, tập 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời lượng** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **4p**  **20p**  **10p**  **3p** | **1. Khởi động**  - GV tổ chức cho HS hát và kết hợp vận động một bài mà các em yêu thích.  - *GV dẫn dắt vào bài mới:* Trong tiết nói và nghe hôm nay, các em trình bày ý kiến về tính cách của nhân vật trong một câu chuyện đã học ở bài 2. Sau đó, các em sẽ trao đổi về những việc làm của bản thân (hoặc của một người mà các em biết) thể hiện đức tính chăm chỉ trong học tập và lao động.  **2. Khám phá***.*  **Hoạt động 1: Chuẩn bị cho bài nói.**  noi-va-nghe-trao-doi-cham-hoc-cham-lamĐề 1: Trình bày ý kiến về tính cách của nhân vật trong câu chuyện đã học ở Bài 2  **noi-va-nghe-trao-doi-cham-hoc-cham-lam-2**Đề 2: Trao đổi với các bạn về những việc làm của em (hoặc của một người mà em biết) thể hiện đức tính chăm chỉ trong học tập và lao động.  - GV mời HS đọc yêu cầu bài.  - GV yêu cầu HS quan sát, đọc gợi ý và chọn 1 trong 2 đề.  - GV hỏi: Em chọn đề nào?  + Nếu học sinh chọn đề 1: Em sẽ giới thiệu nhân vật nào? Vì sao em chọn nhân vật đó?  + Nếu học sinh chọn đề 2: Em sẽ giới thiệu về việc làm của ai? Đó là việc gì? Vì sao em chọn giới thiệu việc làm đó?  3. Luyện tập  **Hoạt động 2: Trình bày bài nói***.*  \* Hoạt động nhóm đôi: Cho HS trình bày bài nói trong nhóm đôi dựa vào nội dung đã chuẩn bị.  \* Hoạt động cả lớp: Yêu cầu các nhóm cử đại diện trình bày bài nói trước lớp  - GV lưu ý HS cách trình bày: nội dung, dùng từ, diễn đạt, ngữ điệu nói kết hợp thái độ, cử chỉ khi nói…..  - GV nhận xét, bình chọn bài nói hay, trình bày hấp dẫn.  **4. Củng cố nối tiếp**  **-** GV hỏi: Qua tiết học ngày hôm nay, em học được những gì?  - GV nhận xét tiết học, tuyên dương HS có bài nói hay, thuyết phục, những HS tiến bộ về kĩ năng nói, nghe.  - Giao nhiệm vụ HS về nhà chia sẻ bài nói cho người thân nghe. | - TBVN bắt nhịp cho cả lớp hát kết hợp vận động theo nhạc.  - Lắng nghe  - 1-2 HS đọc yêu cầu bài.  - HS quan sát, đọc gợi ý 2 đề.  - HS ngồi thành 2 dãy: dãy chọn đề 1 và dãy chọn đề 2  HS lắng nghe.  - HS trao đổi với bạn  - Đại diện trình bày bài của mình trước lớp  - Các HS khác nhận xét  - HS nối tiếp chia sẻ trước lớp  - HS Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy**

**Môn: Toán**

**LUYỆN TẬP**

**Ngày dạy: 01/10/2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

*1. Năng lực đặc thù:*

- *Năng lực tư duy và lập luận toán học*: Luyện tập về đọc, viết, so sánh các số có nhiều chữ số, làm tròn số đến hàng trăm nghìn.

- *Năng lực giải quyết vấn đề toán học*: Nhận biết số chẵn, số lẻ. Vận dụng được cách so sánh, phân tích các số có nhiều chữ số và làm tròn số đến hàn trăm nghìn vào thực tế cuộc sống.

*2. Năng lực chung.*

- *Tự chủ và tự học*: Học sinh tích cực, chủ động suy nghĩ để giải các bài tập.

- *Giao tiếp và hợp tác*: Trao đổi, thảo luận với bạn bè về các cách giải các bài toán về số chẵn, số lẻ, làm tròn số đến hàng trăm nghìn qua các bài tập và tình huống thực tế

- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Đề xuất được các cách giải khác nhau đối với bài toán liên quan đến số chẵn, số lẻ, làm tròn số trong thực tế cuộc sống.

*3. Phẩm chất.*

Hình thành sự chăm chỉ, trung thực và ý thức trách nhiệm đối với bản thân và tập thể. Biết chăm chỉ học tập nghiêm túc. Yêu thích học Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- ***GV***: Bảng phụ ghi các hàng từ trăm triệu đến đơn vị trong đó có các ô để học sinh có thể điền số và viết số; SGK Toán 1.

- ***HS***: SGK, VBT Toán tập 1, bộ đồ dùng học Toán 4.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5p**  **25p**  **5p** | **A. Hoạt động mở đầu**  **- *Ổn định tổ chức:*** Cho HS hát “ Bé học phép trừ”.  - ***Khởi động***: Yêu cầu HS quan sát câu hỏi và trả lời.  + Số chẵn là gì? Hãy nêu ví dụ?  + Số lẻ là gì? Hãy nêu ví dụ?  + Cách đọc các số chẵn lẻ như thế nào?  + Hãy nêu lại quy ước làm tròn số đến hàng trăm nghìn  - GV gọi học sinh nhận xét câu trả lời của các bạn.  - ***Kết nối***: Ở lớp 2, 3 chúng ta đã học cách làm tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn, tròn chục nghìn lớp 4 học tròn trăm nghìn, cách đọc và nhận biết so sánh số chẵn, số lẻ như thế nào. Hôm nay các em sẽ được luyện tập và thực hành các dang toán đó để khác sâu kiến thức về nó hơn.  - ***Ghi bảng***: Luyện tập - Trang 28, 29  **B. Hoạt động luyện tập, thực hành**  **Bài 1: Cá nhân**  - GV gọi HS nêu yêu cầu của bài tập.  - Bài tập 1 thực hiên theo gì?  + Quan sát bài tập hãy cho biết trong đó có mấy lớp, đó là lớp nào?  + Lớp đơn vị có mấy hàng đó là những hàng nào?  + Lớp nghìn có mấy hàng đó là những hàng nào?  + Lớp triệu có mấy hàng đó là những hàng nào?  - **Mẫu: Số 150 927 643** gồm mấy hàng, mấy lớp? Hãy nêu các chữ số ở các hàng và lớp đó.  - Hãy đọc Số 150 927 643.  - GV gọi HS đọc lại các số vừa phân tích hàng và lớp.  - Yêu cầu HS làm bài, sau đó kiểm tra  rồi đổi chéo vở kiểm tra kết quả.  - Gọi HS nhận xét  - GV nhận xét chữa bài.  **\* GV chốt chuyển**  **Bài 2: nhóm đôi**  - GV gọi HS nêu yêu cầu của bài tập.  - Bài tập 2 yêu cầu là gì?    - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và tìm hiểu từng con số, viết thành số, số đó có mấy chữ số, số đó có mấy số 0.  - YC học sinh nêu và chia sẻ cách làm của nhóm trước lớp.  - *Số 39 000 nghìn gồm mấy chữ số? Có mấy chữ số 0?*  - *Số 600 000 nghìn gồm mấy chữ số? Có mấy chữ số 0?*  - *Số 85 000 000 triệu gồm mấy chữ số? Có mấy chữ số 0?*  - *Số 20 000 000 triệu gồm mấy chữ số? Có mấy chữ số 0?*  - *Số 700 000 000 triệu gồm mấy chữ số? Có mấy chữ số 0?*  - GV yêu cầu HS làm bài vào vở, sau đó đổi chéo vở kiểm tra cách làm cùng bạn trong nhóm.  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - GV nhận xét, tuyên dương nhóm thực hiện tốt, nhanh.  **\* GV chốt chuyển**  **Bài 3:**  - Đọc yêu cầu bài  - Bài yêu cầu làm gì?  ***3.1. Nhận biết số chẵn, số lẻ.***  - GV cho HS thảo luận nhóm 4 và lấy một số ví dụ cụ thể.  + Số nào là số chia hết cho 2? Lấy ví dụ các số đó?  ***\* Ghi chú:*** Số chia hết cho 2 là số chia cho 2 không còn dư.  + Số nào là số không chia hết cho 2? Lấy ví dụ  ***\* Chi chú***: Số không chia hết cho 2 là số chia cho 2 còn dư 1.  - GV gọi học sinh đọc lại phần ghi chú trên bảng.  ***3.2. Luyện tập, thực hành***.  - Gọi HS đọc yêu cầu của bài.  - GV yêu cầu HS làm bài, và đổi chéo kiểm tra kết quả.  **a)** *Trong các số 41, 42, 43, 100, 3 015, 60 868, số nào là số chẵn? Số nào là số lẻ?*  **b)** *Nhận xét về chữ số tận cùng trong các số lẻ, các số chẵn ở câu a.*  **c)** Đọc thông tin sau rồi lấy ví dụ minh họa:  • Các số có chữ số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8 thì chia hết cho 2.  • Các số có chữ số tận cùng là 1, 3, 5, 7, 9 thì không chia hết cho 2.  ***3.3. Vận dụng***  - Từ nhận xét trên Yêu cầu HS lấy ví dụ minh họa về các số chia hết cho 2 và các số không chia hết cho 2.  - GV nhận xét, chưa bài, tuyên dương.  **\* GV chốt chuyển:**  **Bài 4: cá nhân**  - HS đọc yêu cầu bài.  - Bài tập 4 yêu cầu làm gì?  - Yêu cầu HS tự làm vào vở bài tập.  ***\* Hướng dẫn***: HS đếm thêm các số chẵn và số lẻ tương ứng trong ô ?  - GV yêu cầu HS đổi vở kiểm tra kết quả.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **\* GV chốt chuyển.**  **Bài 5**  - HS đọc yêu cầu bài  - Bài tập yêu cầu làm gì?  ***\* Hướng dẫn***: Cho HS chơi trò chơi theo nhóm 4. Một bạn nêu một số có 4 chữ số tùy ý, chỉ một bạn trong nhóm cho biết là số chẵn hay số lẻ. Bạn trả lời đúng thì tiếp tục nêu một số và yêu cầu thành viên khác trong nhóm trả lời. Cứ thay phiên và đến khi tất cả các thành viên trong nhóm trả lời.  - GV yêu cầu tất cả các nhóm cùng tham gia chơi.  - GV cho HS nhận xét, nêu lại cách nhận số chẵn và số lẻ và dựa vào số tận cùng.  - GV nhận xét các nhóm chơi.  **\* GV chốt chuyển**  **Bài 6: cá nhân**  - HS đọc yêu cầu bài  - Bài tập yêu cầu làm gì?    - GV nhận xét. Khen học sinh.  *\* Chú mèo đi đi theo con đường ghi các*  *số như sau: 32; 90; 16; 632; 70; 80; 16;*  *674; 62; 720; 890.*  **\* GV chốt chuyển**  **Bài 7**  - HS đọc yêu cầu bài  - Bài tập yêu cầu làm gì?  \* HS học sinh làm bài: Quan sát bảng số liệu dân số của Thái Bình, Đà Nẵng, Bình Dương, Quảng Ninh. Đọc dân số của các tỉnh đó, và sắp xếp các tỉnh có dân số từ thấp đến cao.  - HS làm vở bài tập.  *a) Em hãy đọc số dân của các tỉnh, thành phố đó theo thứ tự tăng dần.*  *b) Em hãy làm tròn số dân của các tỉnh, thành phố đó đến hàng trăm nghìn.*  - GV yêu cầu HS đổi chéo vở kiểm tra bài làm của nhau.  - GV yêu cầu HS nhận xét, chữa bài bạn  - GV nhận xét, chữa bài, khen HS.  **\* GV chốt chuyển**  **C. Hoạt động vận dụng**  **Bài 8:**  - HS đọc yêu cầu bài  - Bài tập yêu cầu làm gì?  - HS tìm hiểu giá tiền một số đồ vật, ghi lại các con số chỉ giá tiền cho bạn nghe.  - GV nhận xét, khen HS nêu được nhiều nhất các đồ vật có quanh ta và nêu được  giá tiền của các vật dụng đó.  **\* Củng cố nối tiếp**  - Qua bài học hôm nay các em biết thêm những điều gì ?  - Hãy nêu cảm nhận qua bài học em luyện tập được những gì?  - Nhận xét tiết học  - Chuẩn bị bài tiếp theo: *Số tự nhiên, dãy số tự nhiên* - Trang 31, 32. | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ.  - Quan sát đọc câu hỏi và trả lời:  - Số chẵn là những số có đuôi sau cùng là các số 0, 2, 4, 6, 8.  ***Ví dụ:*** 2, 4, 6, 8, 10, 12, 14, 16,....  - Số lẻ là số sau cùng có đuôi là 1, 3, 5, 7, 9 và khi chia cho 2 sẽ có số dư.  ***Ví dụ:*** 11, 13, 15, 17, 19, 21, 23,....  - HS đọc.  - Nếu chữ số đầu tiên trong các chữ số bị bỏ đi nhỏ hơn 5 thì ta giữ nguyên bộ phận còn lại. Trong trường hợp số nguyên thì ta thay các chữ số bỏ đi bằng chữ số 0.  + Nếu chữ số đầu tiên trong các chữ số bị bỏ đi lớn hơn hoặc bằng 5 thì ta cộng thêm 1 vào chữ số cuối cùng của bộ phận còn lại. Trong trường hợp số nguyên thì ta thay các chữ số bỏ đi bằng chữ số 0.  - Nhận xét câu trả lời.  - HS lắng nghe.  - HS nhắc nối tiếp đầu bài và ghi vở  - HS nêu yêu cầu của bài tập.  - Thực hiện (theo mẫu):  + Có 3 lớp, đó là các lớp: Lớp đơn vị. Lớp nghìn. Lớp triệu.  + Lớp đơn vị có 3 hàng đó là các hàng: hàng trăm, hàng chục và hàng đơn vị  + Lớp nghìn có ba hàng: hàng nghìn, hàng chục nghìn và hàng trăm nghìn.  + Lớp triệu có 3 hàng: hàng triệu, hàng chục triệu, hàng trăm triệu.  **- Mẫu:** Số 150 927 643 gồm 3 hàng, 3 lớp. + Lớp đơn vị gồm:6 trăm, 4 chục và 3 đơn vị .  + Lớp nghìn gồm: 9 trăm nghìn, 2 chục nghìn và 7 nghìn.  + Lớp triệu gồm:1 trăm triệu, 5 chục triệu.  **- Đọc số:** *Một trăm năm mươi triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm bốn mươi ba*  - HS đọc  - HS làm bài, đổi vở kiểm tra chéo nhau.  - Nhận xét  - Nghe GV nhận xét.  **Bài 2: nhóm đôi**  - HS nêu yêu cầu  ủa bài tập.  - Bài tập 2 yêu cầu là: Viết các số sau rồi cho biết mỗi số có bao nhiêu chữ số, mỗi số có bao nhiêu chữ số 0:  - HS thảo luận nhóm đôi và tìm hiểu từng con số, viết thành số, số đó có mấy chữ số, số đó có mấy số 0.  - Đại diện nhóm chia sẻ trước lớp.  - Ba mươi chín nghìn: 39 000. Số 39 000 có 5 chữ số và có 3 chữ số 0.  - Sáu trăm nghìn: 600 000. Số 600 000 có 6 chữ số và có 5 chữ số 0.  - Tám trăm lăm triệu: 85 000 000. Số 85 000 000 có 8 chữ số và có 6 chữ số 0.  - Hai mươi triệu: 20 000 000. Số 20 000 000 có 8 chữ số và có 7 chữ số 0.  - Bảy trăm triệu: 700 000 000. Số 700 000 000 có 9 chữ số và có 8 chữ số 0.  - HS làm bài vào vở.  *Lời giải*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Số đã cho** | **Viết số** | **Số chữ số** | **Chữ số 0** | | Ba mươi chín nghìn | 39 000 | 5 | 3 | | Sáu trăm nghìn | 600 000 | 6 | 5 | | Tám trăm lăm triệu | 85 000 000 | 8 | 6 | | Hai mươi triệu | 20 000 000 | 8 | 7 | | Bảy trăm triệu | 700 000 000 | 9 | 8 |   - Nhận xét bài của bạn trong nhóm.  **Bài 3:**  - Đọc yêu cầu bài.  - Bài yêu cầu về số chẵn, số lẻ.  - HS thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi.  + Số chia hết cho 2 là số chẵn.  ***Ví dụ***: 0, 2, 4, 6, 8, .., 156, 158, 160, ... là các số chẵn.  + Số không chia hết cho 2 là số lẻ.  ***Ví dụ***: 1, 3, 5, 7, 9, ... 567, 569, 571, ... là các số lẻ.  - 3 HS đọc lại ghi chú trên bảng  - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm bài vào vở bài tập, sau đó đổi vở kiểm tra kết quả của nhau.  **a)** Trong các số đã cho:  + Số chẵn: 42, 100, 60 868.  + Số lẻ: 41, 43, 3 015.  **b)** Trong các số đã cho:  + Chữ số tận cùng trong các số chẵn ở câu a là: 0, 2, 8.  + Chữ số tận cùng trong các số lẻ ở câu a là: 1, 3, 5.  **c)** ***Ví dụ.***  - Các số chia hết cho 2 là 24, 40, 42, 64, 76, 88, 90,...  - Các số không chia hết cho 2 là 21, 43, 45, 67, 79,.....    - Các số chia hết cho 2: 100, 102, 104, 106,.... 1000, 2022, 2224,.....  - Các số không chia hết cho 2: 101, 103, 105, 107, 109,.... 211, 213, 215, 217, 219,.... 301, 303,....  **Bài 4: cá nhân**  - HS đọc yêu cầu bài.  - a) Nêu số chẵn, lẻ thích hợp cho mỗi ô ? sau:  - HS tự làm vở bài tập.  *Lời giải*  a) Dãy số đã cho gồm các số chẵn liên tiếp cách đều 2 đơn vị.  Vậy ta điền như sau:  280; 282; 284; **286 ; 288** ; 290  b) Dãy số đã cho gồm các số lẻ liên tiếp cách đều 2 đơn vị.  Vậy ta điền như sau:  8 16; 8 169; 8 171; **8 173 ;**  **8 175 ;** 8 177.  - HS đổi vở kiểm tra kết quả.  **Bài 5**  - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Viết một số có bốn chữ số rồi đố bạn số đó là số chẵn hay số lẻ.    - HS nghe HS chơi trò chơi.  **Ví dụ**:  ***+ Bạn A:*** Đố bạn số 2 024 là số chẵn hay số lẻ?  ***Bạn B*** trả lời: Số 2 024 là số chẵn.  ***+ Bạn C***: Đố bạn số 1224 là số chẵn hay số lẻ?  ***⟹ Bạn D*** trả lời: Số 1224 là số chẵn.  ***Bạn A***: Đố bạn số 1313 là số chẵn hay số lẻ?  ***⟹ Bạn B*** trả lời: Số 1313 là số lẻ,.....  **Bài 6: cá nhân**  - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Em hãy chỉ đường giúp chú mèo tìm  được cuộn len bị thất lạc bằng cách đi theo con đường ghi các số chẵn:    **Bài 7**  - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Bảng dưới đây cho biết thông tin về dân số của một số tỉnh, thành phố ở nước ta năm 2020:    *a) Sắp xếp các tỉnh, thành phố theo thứ tự số dân tăng dần*: Đà Nẵng, Quảng Ninh, Thái Bình, Bình Dương.  Đọc số dân của các tỉnh, thành phố đó theo thứ tự tăng dần:  + Một triệu một trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm; 1 169 500  + Một triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm; 1 370 600  + Một triệu tám trăm bảy mươi nghìn hai trăm; 1 870 2000  + Hai triệu năm trăm tám mươi nghìn sáu trăm; 2 580 600.  b) *Làm tròn số dân của các tỉnh, thành phố đó đến hàng trăm nghìn*.  + Làm tròn dân số tỉnh Thái Bình đến hàng trăm nghìn là 1 900 000.  + Làm tròn dân số tỉnh Đà Nẵng đến hàng trăm nghìn là 1 200 000.  + Làm tròn dân số tỉnh Bình Dương đến hàng trăm nghìn là 2 600 000.  + Làm tròn dân số tỉnh Quảng Ninh đến hàng trăm nghìn là 1 300 000.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tỉnh thành** | **Số dân (người)** | **Làm tròn** | | Đà Nẵng | 1 169 500 | 1 200 000. | | Quảng Ninh | 1 370 600 | 1 300 000 | | Thái Bình | 1 870 200 | 1 900 000 | | Bình Dương | 2 580 600 | 2 600 000 |   - Kiểm tra đổi vở.  - HS nhận xét chưa bài cùng nhau.  - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Em hãy tìm hiểu giá tiền một số đồ vật có giá trị đến triệu đồng, chục triệu đồng, trăm triệu đồng rồi ghi lại.  *Ví dụ:*  *- Chiếc máy tính để bàn có giá khoảng 8 triệu đồng.*  *- Chiếc tủ lạnh có giá khoảng 23 triệu đồng.*  *- Chiếc ô tô có giá khoảng 750 triệu đồng.*  + HS nêu giá tiền của một số đồ vật quanh cuộc sống hàng ngày của chúng ta và gia đình.  **Ví dụ:** Chiếc xe máy có giá khoảng 40 triệu đồng.  Chiếc ti vi có giá khoảng 25 triệu đồng.  Chiếc điện thoại di dộng có giá khoảng 15 triệu đồng.  Cái bảng con có giá khoảng 15 000 đồng  Hộp phấn có giá khoảng 5 000 đồng  Quyển vở ô ly 80 trang có giá khoảng  10 000 đồng,....  - HS nghe.  - HS trả lời.  - HS nêu cảm nhận sau khi luyện tập xong. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy**

**Môn: Lịch sử và địa lí**

**CHỦ ĐỀ 3: DI TÍCH LỊCH SỬ QUỐC GIA VŨNG RÔ (tiết 2)**

**Ngày dạy: 01/10/2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nêu được tên một số di tích lịch sử ở tỉnh Phú Yên.

- Mô tả sơ lược về di tích lịch sử Vũng Rô.

- Nêu được vai trò của bến Vũng Rô đối với những chiến công vang dội của quân dân Phú Yên trong kháng chiến chống Mỹ.

- Biết được các hoạt động giáo dục truyền thống yêu nước và tri ân những người có công với quê hương gắn liền với di tích Vũng Rô.

- Kể tên một số lễ hội, món ăn ở địa phương Vũng Rô – Phú Yên.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**a. Đối với giáo viên**

* Giáo án, SHS, SGV, SBT Lịch sử Địa lí 4., tài liệu GDĐP lớp 4
* Tranh ảnh tiêu biểu về một số di tích lịch sử ở Phú Yên
* Máy tính, máy chiếu; phiếu học tập (nếu có).

**b. Đối với học sinh**

* SHS, Vở bài tập Vở bài tập Lịch sử Địa lí 4, Tài liệu GDĐP lớp 4
* Tranh ảnh sưu tầm và dụng cụ học tập có liên quan đến nội dung bài học.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 3p    30p  2p | **1. Mở đầu**  - Hs nghe bài hát: “Phú Yên quê hương tôi”  \* Giới thiệu bài  **2. Hoạt động thực hành**  **Hoạt động 1: Giới thiệu về một di tích lịch sử**  - Gv tổ chức trò chơi: “Phóng viên nhí”  - Gv mời 1 học sinh lên đóng vai phóng viên phỏng vấn các bạn trong lớp theo nội dung câu hỏi sau:  **+** Di tích lịch sử quốc gia Vũng Rô nằm ở địa phương nào của tỉnh Phú Yên?  + Mô tả sơ lược về di tích lịch sử Vũng Rô. Nêu vai trò của bến Vũng Rô đối với những chiến công vang dội của quân, dân Phú Yên trong kháng chiến chống Mỹ.  - Gv nhận xét.  **Hoạt động 2: Cảm nhận về di tích lịch sử**  - Gv tổ chức trò chơi “ Truyền điện”. Gv mời 1 hs nêu cảm nhận của em về chiến công của quân, dân ta tại Vũng Rô trong kháng chiến chống Mỹ. Sau đó, lần lượt từng hs mời các bạn trong lớp chia sẻ.  - Gv nhận xét  **Hoạt động 3: các hoạt động giáo dục truyền thống yêu nước và tri ân những người có công với quê hương gắn liền với di tích Vũng Rô.**  - Gv hỏi : Kể về các hoạt động giáo dục truyền thống yêu nước và tri ân những người có công với quê hương gắn liền với di tích Vũng Rô.  - Gv tổ chức hs thảo luận nhóm 4. Các nhóm trả lời câu hỏi sau:  + Các em cần làm gì để thể hiện lòng biết ơn với những người có công với quê hương?  - Gv mời đại diện nhóm lên trình bày  - Gv nhận xét  **3. Củng cố nối tiếp**  - Gv nhận xét tiết học, tuyên dương những hs tích cực phát biểu.  - Về nhà chuẩn bị bài học sau. | - Hs hát  - Lắng nghe  - Hs lắng nghe.  +Vũng Rô nằm ở xã Hòa Xuân Nam, thị xã Đông Hòa.  + Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Vũng Rô là một bến tàu quan trọng trong việc vận chuyển vũ khí chi viện cho chiến trường Nam Trung Bộ bằng đường biển  - Hs thực hiện.  - HS cả lớp lắng nghe.  - Hs thực hiện.  - Tổ chức lễ kỉ niệm 50 năm ngày mở đường Hồ Chí Minh trên biển và thả vòng hoa tri ân những chiến sĩ đã hi sinh tại bến tàu Không Số Vũng Rô  - Hs trả lời theo suy nghĩ: học giỏi, chăm chỉ học tập…  - Lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy**

**Môn: Hoạt động trải nghiệm**

**Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Dự án Hành lang xanh**

**Ngày dạy: 02/10/2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

*Sau tuần học này, HS sẽ:*

- Tích cực tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và của nhà trường.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

*- Năng lực giao tiếp, hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

*- Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực riêng:***

- Trang trí hành lang lớp học.

- Xây dựng góc *Nghệ thuật thiên nhiên*.

**3. Phẩm chất**

*- Chăm chỉ, trách nhiệm:* có ý thức tự lập, tự giác tham gia hoạt động của trường lớp; có tinh thần làm việc nhóm tích cực và hiệu quả.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

- Hoạt động nhóm, thực hành, trực quan.

- Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.

**2. Thiết bị dạy học**

**a. Đối với giáo viên**

- Giáo án, SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 4.

- Tranh ảnh liên quan đến dự án *Hành lang xanh*.

- Các dụng cụ cần thiết vào hoạt động thực tế.

**b. Đối với học sinh**

- SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 4.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **4p**  **28p**  **5p** | **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**  - GV mở cho học sinh nghe một video *Mô hình trường học xanh:*  [Nhân rộng mô hình trường học xanh | VTV24 - YouTube](https://www.youtube.com/watch?v=tMv6UJTlyE0)  - GV đặt câu hỏi: *Video đã gửi tới các em thông điệp gì?*  - GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi.  - GV nhận xét, chốt đáp án*: Video đã khơi nguồn cảm hứng và gợi mở trong các em những ý tưởng để thực hiện hóa dự án Hành lang xanh ngay tại trường.*  - GV tổng kết và dẫn dắt vào bài học: *Video đã mở đầu cho bài học* ***Tuần 4 – Tiết 2: Hoạt động giáo dục theo chủ đề: Dự án hành lang xanh.***  **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 3: Trang trí hành lang lớp học.**  - GV chia lớp thành các nhóm.  - GV nêu nhiệm vụ hoạt động:  + Các nhóm thảo luận đề xuất ý tưởng trang trí hành lang lớp học bằng chậu cây làm từ chai nhựa tái chế bằng chính những chậu cây HS đã sáng tạo trong tiết Hoạt động giáo dục theo chủ đề tuần trước.  + GV khuyến khích các ý tưởng trang trí hành lang sáng tạo, độc đáo.  - GV mời 1 -2 nhóm trình bày ý tưởng và thống nhất ý tưởng trang trí.  - GV mời các HS khác nhận xét, đánh giá ý tưởng của nhóm bạn.  - GV hướng dẫn HS thực hiện trang trí hành lang lớp học .  - GV nhắc nhở HS lưu ý đảm bảo an toàn trong quá trình thực hiện.    - GV kết luận***: Hành lang lớp học của chúng ta đã thay đổi diện mạo, như được khoác một chiếc áo mới sau khi các em trang trí bằng chậu cây làm từ chai nhựa tái chế. Mỗi chậu cây mang một màu sắc riêng, đều góp phần tô điểm cho hành lang lớp học thêm đẹp.***  **Hoạt động 4: Xây dựng góc Nghệ thuật thiên nhiên.**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm.  - GV tổ chức cho các nhóm thảo luận về góc Nghệ thuật thiên nhiên đặt ở hành lang lớp học theo các nội dung sau:  + Ý tưởng thiết kế và sử dụng góc *Nghệ thuật thiên nhiên.*  + Các sản phẩm sẽ làm trang trí góc Nghệ thuật thiên nhiên: lá cây, cành khô,...  - GV hướng dẫn các nhóm thảo luận, trao đổi về kết quả thảo luận của nhóm.  - GV tổ chức cho HS tiến hành sáng tạo các tác phẩm để trang trí góc Nghệ thuật thiên nhiên.  - GV mời 1 số nhóm trình bày tác phẩm của nhóm trước lớp.  - GV mời 2 – 3 HS nhận xét về tác phẩm của các nhóm.  - GV mời một số HS chia sẻ cảm xúc khi sáng tạo được các tác phẩm để trang trí góc *Nghệ thuật thiên nhiên* đặt ở hành lang lớp.    - GV nhận xét và kết luận: ***Góc Nghệ thuật thiên nhiên là nơi các em có thể trưng bày các tác phẩm sáng tạo từ lá cây, cành khô,...Các em hãy sáng tạo nhật nhiều tác phẩm để cùng trang trí góc Nghệ thuật thiên nhiên của lớp mình thật đẹp nhé!***  **Hoạt động 5: Hoạt động nối tiếp.**  - GV nhắc nhở HS tiếp tục phân công chăm sóc các chậu cây ở hành lang lớp học và sáng tạo những tác phẩm để trang trí góc Nghệ thuật thiên nhiên.  **\* CỦNG CỐ**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **\* DẶN DÒ**  - GV nhắc nhở HS:  + Ôn lại các kiến thức đã học hôm nay.  + Trò chuyện với người thân về kế hoạch giữ gìn trường học xanh, sạch, đẹp của nhóm em hoặc của nhóm khác mà em thấy thú vị. | - HS quan sát video và lắng nghe ca chia sẻ của các HS và GV.  - HS lắng nghe câu hỏi.  - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe và tiếp thu.  - HS lắng nghe GV giới thiệu bài học.  - HS về các nhóm theo hướng dẫn.  - HS lắng nghe và thực hiện.  - HS trình bày ý tưởng trước lớp.  - HS nhận xét ý tưởng nhóm bạn.  - HS thực hiện trang trí hành lang lớp học.  - HS lắng nghe và giữ an toàn trong quá trình thực hiện.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS về nhóm theo phân công.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS trao đổi về kết quả thảo luận.  - HS tiến hành thực hiện tác phẩm.  - HS trình bày về tác phẩm của nhóm trước lớp.  - HS nhận xét, đánh giá tác phẩm của bạn.  - HS chia sẻ cảm xúc khi sáng tạo được các tác phẩm.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, thực hiện theo phân công.  - HS lắng nghe.  - HS vỗ tay tuyên dương những bạn làm tốt và động viên những bạn còn nhút nhát.  - HS lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy**

**Môn: Tiếng Việt**

**Bài đọc 4: BÀI VĂN TẢ CẢNH**

**Ngày dạy: 02/10/2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù:**

***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ:***

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng từ HS dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng ngữ pháp và ngữ nghĩa. Tốc độ đọc 75 – 80 tiếng/ phút. Thể hiện được giọng đọc diễn cảm phù hợp với nội dung bài và lời thoại của các nhân vật trong bài. Đọc thầm nhanh hơn lớp 3.

- Hiểu nghĩa các từ ngữ trong bài. Hiểu nội dung, ý nghĩa của bài: kể về một cô bé đạt điểm cao ở bài văn tả cảnh nhờ chăm chỉ, chịu khó quan sát để miêu tả đúng sự việc theo yêu cầu của bài tập làm văn.

***1.2. Phát triển năng lực văn học:***

- Bày tỏ được cảm xúc trước những tình tiết thú vị của câu chuyện và sự dễ thương của nhân vật.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Phát triển năng lực (NL) giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm); NL tự chủ và tự học (trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu).

- Bồi dưỡng phẩm chất (PC) nhân ái (yêu nước, yêu thiên nhiên), chăm chỉ, trách nhiệm (kiên trì, quyết tâm trong công việc).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

– GV chuẩn bị: Ti vi, máy tính, tranh minh hoạ bài đọc trong SGK.

– HS chuẩn bị: SGK Tiếng Việt 4, tập 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3p**  **15p**  **15p**  **9p**  **3p** | **1. Khởi động**  - GV cho HS ôn lại *Bài đọc 3: Cô giáo nhỏ*  *+*Cô giáo đã chứng kiến việc gì lúc đến nhà Giên?  + Việc làm của Giên đáng khen như thế nào?  - GV nhận xét giọng đọc và câu trả lời của học sinh.  2. Hình thành kiến thức  **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng**  - GV đọc mẫu cho HS bài *Bài văn tả cảnh*  - GV cùng HS giải nghĩa một số từ ngữ khó:  *+ Phụ lão: người già*  *+ Vải thiều: loại vải có quả ngon, hạt nhỏ*  *+ Vồ: dụng cụ bằng gỗ chắc, nặng, có cán dùng để đập, nện, làm nhỏ đất*  *+ Bạch đàn (khuynh diệp): loại cây to, thân thẳng, lá có tinh dầu để làm thuốc.*  - Bài đọc có thể chia làm mấy đoạn?  *-*GV tổ chức và hướng dẫn cho HS luyện đọc: *Đọc nối tiếp đoạn.*  + GV gọi 3 HS bất kì đọc bài, từng em đứng lên đọc tiếp nối đến hết bài.  + GV sửa lỗi phát âm, uốn nắn tư thế đọc cho HS.  🡪GDHS: đọc đúng từ ngữ, ngắt nghỉ hơi phù hợp.  - GV tổ chức HS đọc nối tiếp 3 đoạn theo nhóm.  - GV mời đại diện nhóm đọc (ít nhất là 2 nhóm), sau đó cho các HS khác nhận xét.  - GV nhấn mạnh vào những từ ngữ khó đọc: ủn ỉn, rối rít, vun xới, ồn ã,…  **Hoạt động 2: Tìm hiểu bài**  - GV mời 5 HS tiếp nối nhau đọc to, rõ ràng 5 câu hỏi:  *+* Vì sao mấy hôm trước Bé đi học sớm?  [+ Bài tập làm văn của Bé viết về nội dung gì?](https://toploigiai.vn/doc-ba-nang-cong-chua-tieng-viet-4-canh-dieu-tap-1" \l "2)  [+ Bé đã làm những việc gì để viết bài tập làm văn đó thật hay?](https://toploigiai.vn/doc-ba-nang-cong-chua-tieng-viet-4-canh-dieu-tap-1" \l "3)  [+ Ông đã khen Bé như thế nào?](https://toploigiai.vn/doc-ba-nang-cong-chua-tieng-viet-4-canh-dieu-tap-1" \l "4)  [+ Tìm một số hình ảnh trong bài tập làm văn để hiểu vì sao ông khen Bé như vậy?](https://toploigiai.vn/doc-ba-nang-cong-chua-tieng-viet-4-canh-dieu-tap-1" \l "4)  *-*GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 5 theo các câu hỏi tìm hiểu bài. Tổ chức cho HS hoạt động theo kĩ thuật mảnh ghép  *Câu 1: Vì sao mấy hôm trước Bé đi học sớm?*  *Câu 2: Bài tập làm văn của Bé viết về nội dung gì?*  *Câu 3: Bé đã làm những việc gì để viết bài tập làm văn đó thật hay?*  *Câu 4: Ông đã khen Bé như thế nào?*  *Câu 5: Tìm một số hình ảnh trong bài tập làm văn để hiểu vì sao ông khen Bé như vậy?*    - Mời HS trình bày, báo cáo kết quả  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi và động viên HS các nhóm.  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Qua bài đọc, em hiểu nội dung bài nói về điều gì?*  - GV nhận xét, chốt lại  **Hoạt động: Đọc diễn cảm đoạn 1,2**  - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm đoạn 1, 2 với giọng đọc nhẹ nhàng, truyền cảm thể hiện lời thoại của nhân vật.  - Tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm  - Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm.  - GV nhận xét HS đọc bài, tuyên dương, khích lệ HS.  **3. Củng cố nối tiếp**  - GV nêu câu hỏi:  + *Em học tập được những gì từ bạn nhỏ?*  *+ Em thích nhất chi tiết nào trong bài? Vì sao?*  - GV nhận xét, khích lệ những suy nghĩ tích cực của HS.  🡪GDHS: Có ý thức yêu thiên nhiên, yêu cảnh đẹp của đất nước.  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi, biểu dương những HS tốt. | - HS đọc bài và trả lời câu hỏi.  + Nhận xét câu trả lời của bạn.    - HS lắng nghe.    - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe GV đọc mẫu, đọc thầm theo.  - HS cùng GV giải nghĩa từ khó.          - HS trả lời: chia làm 3 đoạn  + Đoạn 1: Từ đầu đến ….. Rồi cháu viết, cháu lại viết lại, cháu..  + Đoạn 2: Tiếp đến ….. bắt đầu  + Đoạn 3: Phần còn lại.  - HS luyện đọc theo hướng dẫn.    - HS đọc nối tiếp bài đọc trước lớp. HS lớp lắng nghe.  - HS đọc bài theo nhóm.  - HS đại diện nhóm đọc bài trước lớp, các HS khác lắng nghe và nhận xét.  - HS phân biệt các âm, vần, thanh dễ lẫn, sửa phát âm sai (nếu có).        - HS đọc tiếp nối câu hỏi; các HS khác lắng nghe, đọc thầm theo.  - HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm 5  + HS đại diện nhóm trả lời các câu hỏi, nhóm khác nhận xét, bổ sung.  *+ Bé phải ra đầu làng để quan sát, chuẩn bị cho bài tập làm văn tả cảnh*  *+ Bài tập làm văn của Bé tả cảnh đi làm đồng vào buổi sáng Chủ Nhật.*  *+ Bé ra đầu làng để quan sát, viết rồi sửa,viết đi viết lại nhiều lần.*  *+ HS tự nêu:*  *Ông khen Bé: “Cháu giỏi quá! Viết như hệt!”- Tức là Bé tả cảnh đi làm đồng buổi sáng rất thực, quan sát rất đúng.*  *+ Hs có thể nêu các hình ảnh sau:*  *- Quang cảnh buổi sáng: gà te te gáy, con lợn ủn ỉn đòi ăn, trên mái nhà, khói bếp lan nhẹ nhàng.*  *- Quang cảnh ở đầu làng: các cụ phụ lão trồng vải thiều dưới bãi; các anh chị vác cuốc, vác vồ lũ lượt đi;…*  - Quang cảnh con đường: từ con đường bạch đàn thẳng tắp, từng đoàn người đã kéo xuống đồng, tiếng nói chuyện cười đùa ồn ã, át cả cái rét buốt.  - 1-2 HS trả lời: Kể về cô Bé đạt điểm cao ở bài văn tả cảnh nhờ chăm chỉ, chịu khó quan sát để miêu tả đúng sự việc theo yêu cầu bài tập làm văn.  - HS lắng nghe.  - HS luyện đọc theo nhóm đôi  - HS thi cá nhân, lớp lắng nghe, chia sẻ  - HS lắng nghe.  - HS trình bày suy nghĩ của mình trước lớp. Lớp lắng nghe, chia sẻ  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy**

**Môn: Toán**

**LUYỆN TẬP**

**Ngày dạy: 02/10/2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

*1. Năng lực đặc thù:*

- *Năng lực tư duy và lập luận toán học*: Luyện tập về đọc, viết, so sánh các số có nhiều chữ số, làm tròn số đến hàng trăm nghìn.

- *Năng lực giải quyết vấn đề toán học*: Nhận biết số chẵn, số lẻ. Vận dụng được cách so sánh, phân tích các số có nhiều chữ số và làm tròn số đến hàn trăm nghìn vào thực tế cuộc sống.

*2. Năng lực chung.*

- *Tự chủ và tự học*: Học sinh tích cực, chủ động suy nghĩ để giải các bài tập.

- *Giao tiếp và hợp tác*: Trao đổi, thảo luận với bạn bè về các cách giải các bài toán về số chẵn, số lẻ, làm tròn số đến hàng trăm nghìn qua các bài tập và tình huống thực tế

- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Đề xuất được các cách giải khác nhau đối với bài toán liên quan đến số chẵn, số lẻ, làm tròn số trong thực tế cuộc sống.

*3. Phẩm chất.*

Hình thành sự chăm chỉ, trung thực và ý thức trách nhiệm đối với bản thân và tập thể. Biết chăm chỉ học tập nghiêm túc. Yêu thích học Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- ***GV***: Bảng phụ ghi các hàng từ trăm triệu đến đơn vị trong đó có các ô để học sinh có thể điền số và viết số; SGK Toán 1.

- ***HS***: SGK, VBT Toán tập 1, bộ đồ dùng học Toán 4.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5p**  **25p**  **5p** | **A. Hoạt động mở đầu**  **- *Ổn định tổ chức:*** Cho HS hát “ Bé học phép trừ”.  - ***Khởi động***: Yêu cầu HS quan sát câu hỏi và trả lời.  + Số chẵn là gì? Hãy nêu ví dụ?  + Số lẻ là gì? Hãy nêu ví dụ?  + Cách đọc các số chẵn lẻ như thế nào?  + Hãy nêu lại quy ước làm tròn số đến hàng trăm nghìn  - GV gọi học sinh nhận xét câu trả lời của các bạn.  - ***Kết nối***: Ở lớp 2, 3 chúng ta đã học cách làm tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn, tròn chục nghìn lớp 4 học tròn trăm nghìn, cách đọc và nhận biết so sánh số chẵn, số lẻ như thế nào. Hôm nay các em sẽ được luyện tập và thực hành các dang toán đó để khác sâu kiến thức về nó hơn.  - ***Ghi bảng***: Luyện tập - Trang 28, 29  **B. Hoạt động luyện tập, thực hành**  **Bài 1: Cá nhân**  - GV gọi HS nêu yêu cầu của bài tập.  - Bài tập 1 thực hiên theo gì?  + Quan sát bài tập hãy cho biết trong đó có mấy lớp, đó là lớp nào?  + Lớp đơn vị có mấy hàng đó là những hàng nào?  + Lớp nghìn có mấy hàng đó là những hàng nào?  + Lớp triệu có mấy hàng đó là những hàng nào?  - **Mẫu: Số 150 927 643** gồm mấy hàng, mấy lớp? Hãy nêu các chữ số ở các hàng và lớp đó.  - Hãy đọc Số 150 927 643.  - GV gọi HS đọc lại các số vừa phân tích hàng và lớp.  - Yêu cầu HS làm bài, sau đó kiểm tra  rồi đổi chéo vở kiểm tra kết quả.  - Gọi HS nhận xét  - GV nhận xét chữa bài.  **\* GV chốt chuyển**  **Bài 2: nhóm đôi**  - GV gọi HS nêu yêu cầu của bài tập.  - Bài tập 2 yêu cầu là gì?    - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và tìm hiểu từng con số, viết thành số, số đó có mấy chữ số, số đó có mấy số 0.  - YC học sinh nêu và chia sẻ cách làm của nhóm trước lớp.  - *Số 39 000 nghìn gồm mấy chữ số? Có mấy chữ số 0?*  - *Số 600 000 nghìn gồm mấy chữ số? Có mấy chữ số 0?*  - *Số 85 000 000 triệu gồm mấy chữ số? Có mấy chữ số 0?*  - *Số 20 000 000 triệu gồm mấy chữ số? Có mấy chữ số 0?*  - *Số 700 000 000 triệu gồm mấy chữ số? Có mấy chữ số 0?*  - GV yêu cầu HS làm bài vào vở, sau đó đổi chéo vở kiểm tra cách làm cùng bạn trong nhóm.  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - GV nhận xét, tuyên dương nhóm thực hiện tốt, nhanh.  **\* GV chốt chuyển**  **Bài 3:**  - Đọc yêu cầu bài  - Bài yêu cầu làm gì?  ***3.1. Nhận biết số chẵn, số lẻ.***  - GV cho HS thảo luận nhóm 4 và lấy một số ví dụ cụ thể.  + Số nào là số chia hết cho 2? Lấy ví dụ các số đó?  ***\* Ghi chú:*** Số chia hết cho 2 là số chia cho 2 không còn dư.  + Số nào là số không chia hết cho 2? Lấy ví dụ  ***\* Chi chú***: Số không chia hết cho 2 là số chia cho 2 còn dư 1.  - GV gọi học sinh đọc lại phần ghi chú trên bảng.  ***3.2. Luyện tập, thực hành***.  - Gọi HS đọc yêu cầu của bài.  - GV yêu cầu HS làm bài, và đổi chéo kiểm tra kết quả.  **a)** *Trong các số 41, 42, 43, 100, 3 015, 60 868, số nào là số chẵn? Số nào là số lẻ?*  **b)** *Nhận xét về chữ số tận cùng trong các số lẻ, các số chẵn ở câu a.*  **c)** Đọc thông tin sau rồi lấy ví dụ minh họa:  • Các số có chữ số tận cùng là 0, 2, 4, 6, 8 thì chia hết cho 2.  • Các số có chữ số tận cùng là 1, 3, 5, 7, 9 thì không chia hết cho 2.  ***3.3. Vận dụng***  - Từ nhận xét trên Yêu cầu HS lấy ví dụ minh họa về các số chia hết cho 2 và các số không chia hết cho 2.  - GV nhận xét, chưa bài, tuyên dương.  **\* GV chốt chuyển:**  **Bài 4: cá nhân**  - HS đọc yêu cầu bài.  - Bài tập 4 yêu cầu làm gì?  - Yêu cầu HS tự làm vào vở bài tập.  ***\* Hướng dẫn***: HS đếm thêm các số chẵn và số lẻ tương ứng trong ô ?  - GV yêu cầu HS đổi vở kiểm tra kết quả.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **\* GV chốt chuyển.**  **Bài 5**  - HS đọc yêu cầu bài  - Bài tập yêu cầu làm gì?  ***\* Hướng dẫn***: Cho HS chơi trò chơi theo nhóm 4. Một bạn nêu một số có 4 chữ số tùy ý, chỉ một bạn trong nhóm cho biết là số chẵn hay số lẻ. Bạn trả lời đúng thì tiếp tục nêu một số và yêu cầu thành viên khác trong nhóm trả lời. Cứ thay phiên và đến khi tất cả các thành viên trong nhóm trả lời.  - GV yêu cầu tất cả các nhóm cùng tham gia chơi.  - GV cho HS nhận xét, nêu lại cách nhận số chẵn và số lẻ và dựa vào số tận cùng.  - GV nhận xét các nhóm chơi.  **\* GV chốt chuyển**  **Bài 6: cá nhân**  - HS đọc yêu cầu bài  - Bài tập yêu cầu làm gì?    - GV nhận xét. Khen học sinh.  *\* Chú mèo đi đi theo con đường ghi các*  *số như sau: 32; 90; 16; 632; 70; 80; 16;*  *674; 62; 720; 890.*  **\* GV chốt chuyển**  **Bài 7**  - HS đọc yêu cầu bài  - Bài tập yêu cầu làm gì?  \* HS học sinh làm bài: Quan sát bảng số liệu dân số của Thái Bình, Đà Nẵng, Bình Dương, Quảng Ninh. Đọc dân số của các tỉnh đó, và sắp xếp các tỉnh có dân số từ thấp đến cao.  - HS làm vở bài tập.  *a) Em hãy đọc số dân của các tỉnh, thành phố đó theo thứ tự tăng dần.*  *b) Em hãy làm tròn số dân của các tỉnh, thành phố đó đến hàng trăm nghìn.*  - GV yêu cầu HS đổi chéo vở kiểm tra bài làm của nhau.  - GV yêu cầu HS nhận xét, chữa bài bạn  - GV nhận xét, chữa bài, khen HS.  **\* GV chốt chuyển**  **C. Hoạt động vận dụng**  **Bài 8:**  - HS đọc yêu cầu bài  - Bài tập yêu cầu làm gì?  - HS tìm hiểu giá tiền một số đồ vật, ghi lại các con số chỉ giá tiền cho bạn nghe.  - GV nhận xét, khen HS nêu được nhiều nhất các đồ vật có quanh ta và nêu được  giá tiền của các vật dụng đó.  **\* Củng cố nối tiếp**  - Qua bài học hôm nay các em biết thêm những điều gì ?  - Hãy nêu cảm nhận qua bài học em luyện tập được những gì?  - Nhận xét tiết học  - Chuẩn bị bài tiếp theo: *Số tự nhiên, dãy số tự nhiên* - Trang 31, 32. | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ.  - Quan sát đọc câu hỏi và trả lời:  - Số chẵn là những số có đuôi sau cùng là các số 0, 2, 4, 6, 8.  ***Ví dụ:*** 2, 4, 6, 8, 10, 12, 14, 16,....  - Số lẻ là số sau cùng có đuôi là 1, 3, 5, 7, 9 và khi chia cho 2 sẽ có số dư.  ***Ví dụ:*** 11, 13, 15, 17, 19, 21, 23,....  - HS đọc.  - Nếu chữ số đầu tiên trong các chữ số bị bỏ đi nhỏ hơn 5 thì ta giữ nguyên bộ phận còn lại. Trong trường hợp số nguyên thì ta thay các chữ số bỏ đi bằng chữ số 0.  + Nếu chữ số đầu tiên trong các chữ số bị bỏ đi lớn hơn hoặc bằng 5 thì ta cộng thêm 1 vào chữ số cuối cùng của bộ phận còn lại. Trong trường hợp số nguyên thì ta thay các chữ số bỏ đi bằng chữ số 0.  - Nhận xét câu trả lời.  - HS lắng nghe.  - HS nhắc nối tiếp đầu bài và ghi vở  - HS nêu yêu cầu của bài tập.  - Thực hiện (theo mẫu):  + Có 3 lớp, đó là các lớp: Lớp đơn vị. Lớp nghìn. Lớp triệu.  + Lớp đơn vị có 3 hàng đó là các hàng: hàng trăm, hàng chục và hàng đơn vị  + Lớp nghìn có ba hàng: hàng nghìn, hàng chục nghìn và hàng trăm nghìn.  + Lớp triệu có 3 hàng: hàng triệu, hàng chục triệu, hàng trăm triệu.  **- Mẫu:** Số 150 927 643 gồm 3 hàng, 3 lớp. + Lớp đơn vị gồm:6 trăm, 4 chục và 3 đơn vị .  + Lớp nghìn gồm: 9 trăm nghìn, 2 chục nghìn và 7 nghìn.  + Lớp triệu gồm:1 trăm triệu, 5 chục triệu.  **- Đọc số:** *Một trăm năm mươi triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm bốn mươi ba*  - HS đọc  - HS làm bài, đổi vở kiểm tra chéo nhau.  - Nhận xét  - Nghe GV nhận xét.  **Bài 2: nhóm đôi**  - HS nêu yêu cầu  ủa bài tập.  - Bài tập 2 yêu cầu là: Viết các số sau rồi cho biết mỗi số có bao nhiêu chữ số, mỗi số có bao nhiêu chữ số 0:  - HS thảo luận nhóm đôi và tìm hiểu từng con số, viết thành số, số đó có mấy chữ số, số đó có mấy số 0.  - Đại diện nhóm chia sẻ trước lớp.  - Ba mươi chín nghìn: 39 000. Số 39 000 có 5 chữ số và có 3 chữ số 0.  - Sáu trăm nghìn: 600 000. Số 600 000 có 6 chữ số và có 5 chữ số 0.  - Tám trăm lăm triệu: 85 000 000. Số 85 000 000 có 8 chữ số và có 6 chữ số 0.  - Hai mươi triệu: 20 000 000. Số 20 000 000 có 8 chữ số và có 7 chữ số 0.  - Bảy trăm triệu: 700 000 000. Số 700 000 000 có 9 chữ số và có 8 chữ số 0.  - HS làm bài vào vở.  *Lời giải*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Số đã cho** | **Viết số** | **Số chữ số** | **Chữ số 0** | | Ba mươi chín nghìn | 39 000 | 5 | 3 | | Sáu trăm nghìn | 600 000 | 6 | 5 | | Tám trăm lăm triệu | 85 000 000 | 8 | 6 | | Hai mươi triệu | 20 000 000 | 8 | 7 | | Bảy trăm triệu | 700 000 000 | 9 | 8 |   - Nhận xét bài của bạn trong nhóm.  **Bài 3:**  - Đọc yêu cầu bài.  - Bài yêu cầu về số chẵn, số lẻ.  - HS thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi.  + Số chia hết cho 2 là số chẵn.  ***Ví dụ***: 0, 2, 4, 6, 8, .., 156, 158, 160, ... là các số chẵn.  + Số không chia hết cho 2 là số lẻ.  ***Ví dụ***: 1, 3, 5, 7, 9, ... 567, 569, 571, ... là các số lẻ.  - 3 HS đọc lại ghi chú trên bảng  - HS đọc yêu cầu bài.  - HS làm bài vào vở bài tập, sau đó đổi vở kiểm tra kết quả của nhau.  **a)** Trong các số đã cho:  + Số chẵn: 42, 100, 60 868.  + Số lẻ: 41, 43, 3 015.  **b)** Trong các số đã cho:  + Chữ số tận cùng trong các số chẵn ở câu a là: 0, 2, 8.  + Chữ số tận cùng trong các số lẻ ở câu a là: 1, 3, 5.  **c)** ***Ví dụ.***  - Các số chia hết cho 2 là 24, 40, 42, 64, 76, 88, 90,...  - Các số không chia hết cho 2 là 21, 43, 45, 67, 79,.....    - Các số chia hết cho 2: 100, 102, 104, 106,.... 1000, 2022, 2224,.....  - Các số không chia hết cho 2: 101, 103, 105, 107, 109,.... 211, 213, 215, 217, 219,.... 301, 303,....  **Bài 4: cá nhân**  - HS đọc yêu cầu bài.  - a) Nêu số chẵn, lẻ thích hợp cho mỗi ô ? sau:  - HS tự làm vở bài tập.  *Lời giải*  a) Dãy số đã cho gồm các số chẵn liên tiếp cách đều 2 đơn vị.  Vậy ta điền như sau:  280; 282; 284; **286 ; 288** ; 290  b) Dãy số đã cho gồm các số lẻ liên tiếp cách đều 2 đơn vị.  Vậy ta điền như sau:  8 16; 8 169; 8 171; **8 173 ;**  **8 175 ;** 8 177.  - HS đổi vở kiểm tra kết quả.  **Bài 5**  - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Viết một số có bốn chữ số rồi đố bạn số đó là số chẵn hay số lẻ.    - HS nghe HS chơi trò chơi.  **Ví dụ**:  ***+ Bạn A:*** Đố bạn số 2 024 là số chẵn hay số lẻ?  ***Bạn B*** trả lời: Số 2 024 là số chẵn.  ***+ Bạn C***: Đố bạn số 1224 là số chẵn hay số lẻ?  ***⟹ Bạn D*** trả lời: Số 1224 là số chẵn.  ***Bạn A***: Đố bạn số 1313 là số chẵn hay số lẻ?  ***⟹ Bạn B*** trả lời: Số 1313 là số lẻ,.....  **Bài 6: cá nhân**  - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Em hãy chỉ đường giúp chú mèo tìm  được cuộn len bị thất lạc bằng cách đi theo con đường ghi các số chẵn:    **Bài 7**  - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Bảng dưới đây cho biết thông tin về dân số của một số tỉnh, thành phố ở nước ta năm 2020:    *a) Sắp xếp các tỉnh, thành phố theo thứ tự số dân tăng dần*: Đà Nẵng, Quảng Ninh, Thái Bình, Bình Dương.  Đọc số dân của các tỉnh, thành phố đó theo thứ tự tăng dần:  + Một triệu một trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm; 1 169 500  + Một triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm; 1 370 600  + Một triệu tám trăm bảy mươi nghìn hai trăm; 1 870 2000  + Hai triệu năm trăm tám mươi nghìn sáu trăm; 2 580 600.  b) *Làm tròn số dân của các tỉnh, thành phố đó đến hàng trăm nghìn*.  + Làm tròn dân số tỉnh Thái Bình đến hàng trăm nghìn là 1 900 000.  + Làm tròn dân số tỉnh Đà Nẵng đến hàng trăm nghìn là 1 200 000.  + Làm tròn dân số tỉnh Bình Dương đến hàng trăm nghìn là 2 600 000.  + Làm tròn dân số tỉnh Quảng Ninh đến hàng trăm nghìn là 1 300 000.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tỉnh thành** | **Số dân (người)** | **Làm tròn** | | Đà Nẵng | 1 169 500 | 1 200 000. | | Quảng Ninh | 1 370 600 | 1 300 000 | | Thái Bình | 1 870 200 | 1 900 000 | | Bình Dương | 2 580 600 | 2 600 000 |   - Kiểm tra đổi vở.  - HS nhận xét chưa bài cùng nhau.  - 1 HS đọc yêu cầu bài.  - Em hãy tìm hiểu giá tiền một số đồ vật có giá trị đến triệu đồng, chục triệu đồng, trăm triệu đồng rồi ghi lại.  *Ví dụ:*  *- Chiếc máy tính để bàn có giá khoảng 8 triệu đồng.*  *- Chiếc tủ lạnh có giá khoảng 23 triệu đồng.*  *- Chiếc ô tô có giá khoảng 750 triệu đồng.*  + HS nêu giá tiền của một số đồ vật quanh cuộc sống hàng ngày của chúng ta và gia đình.  **Ví dụ:** Chiếc xe máy có giá khoảng 40 triệu đồng.  Chiếc ti vi có giá khoảng 25 triệu đồng.  Chiếc điện thoại di dộng có giá khoảng 15 triệu đồng.  Cái bảng con có giá khoảng 15 000 đồng  Hộp phấn có giá khoảng 5 000 đồng  Quyển vở ô ly 80 trang có giá khoảng  10 000 đồng,....  - HS nghe.  - HS trả lời.  - HS nêu cảm nhận sau khi luyện tập xong. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy**

**Môn: Tiếng Việt**

**Luyện từ và câu: LUYỆN TẬP VỀ DANH TỪ**

**Ngày dạy: 03/10/2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù:**

- Sắp xếp được danh từ thành các nhóm.

- Phân biệt được các danh từ riêng chỉ tên người, tên địa lí

- Viết được đoạn văn về một người chăm chỉ học tập hoặc ham thích lao động; chỉ ra được các danh từ chung, danh từ riêng trong đoạn văn đã viết.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất:**

- Phát triển năng lực (NL) giao tiếp và hợp tác (biết cùng các bạn thảo luận nhóm); NL tự chủ và tự học (thực hiện BT ở lớp và ở nhà).

- Bồi dưỡng phẩm chất (PC) chăm chỉ, trách nhiệm thông qua hoạt động học tập và hợp tác với bạn bè.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV chuẩn bị: Ti vi, máy tính.

- HS chuẩn bị: SGK Tiếng Việt 4, tập 1, vở bài tập Tiếng Việt.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3p**  **10p**    **5p**  **15p**  **4p** | **1. Khởi động**  - GV cho học sinh chơi trò chơi (do mình tự chọn)  - Giới thiệu bài: Ở bài trước, chúng ta đã biết phân biệt danh từ chung và danh từ riêng. Hôm nay, chúng ta tiếp tục ôn luyện về danh từ, phân biệt danh từ riêng dùng để viết tên người và tên địa lí Việt Nam.  **2. Hình thành kiến thức**  **\* Hoạt động 1: Tìm và sắp xếp các danh từ chung vào nhóm thích hợp (BT1)**  **Bài 1:** Tìm và sắp xếp các danh từ chung vào nhóm thích hợp  luyen-tu-va-cau-luyen-tap-ve-danh-tu  GV mời  - GV giao nhiệm vụ cho HS thảo luận  - GV mời một vài HS trả lời các câu hỏi trước lớp.  - GV nhận xét, sửa lỗi (nếu có), giúp HS nêu đáp án đúng.  **Hoạt động 2: Xếp danh từ riêng vào trong các nhóm thích hợp:**  - GV mời một vài HS trả lời các CH trước lớp.  - GV nhận xét, sửa lỗi (nếu có) và nêu đáp án đúng:  + Tên người: Nguyễn Hiền  + Tên địa lí: Dương A, Nam Thắng, Nam Trực, Nam Định  (GV có thể hỏi thêm: Khi viết danh từ chỉ tên riêng người, hay địa lí Việt Nam, cần chú ý điều gì?)  **Hoạt động 3: Viết đoạn văn** (BT 3)  Bài 3: Viết một đoạn văn ngắn từ 4-5 câu về một người chăm chỉ học tập hoặc ham thích lao động (Có sử dụng danh từ chung và danh từ riêng)- GV giao nhiệm vụ cho viết đoạn văn vào vở  -Trình bày đoạn văn đã viết trước lớp.  - GV nhận xét, sửa lỗi (nếu có), giúp HS hoàn chỉnh đoạn văn.  **3. Củng cố nối tiếp**  **-** GV tổ chức vận dụng để củng cố kiến thức và vận dụng bài học vào tực tiễn cho học sinh.  + Cho HS nói 2-3 câu giới thiệu bản thân mình trước lớp.  - Nhận xét, tuyên dương  - Nhận xét tiết học, dặt dò bài về nhà. | **-** Chơi trò chơi theo sự điều khiển củaquản trò.  - Nghe và cảm nhận  -1 HS đọc BT 1; cả lớp đọc thầm.  - Đại diện các nhóm trình bày.  - Các HS khác nhận xét, góp ý.  - Đọc yêu cầu  - N2+ VBT  -1-2 HS đọc.  - Các HS khác nhận xét, góp ý.  - Nghe, cảm nhận  -Nối tiếp đọc lại đáp án  - 1-2 HS trả lời  -1 HS đọc ,cả lớp đọc thầm theo.  -Làm bài các nhân vào vở  2-4 HS đọc. Các HS khác nhận xét, góp ý.  - HS nói trước lớp  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy**

**Môn: Toán**

**SỐ TỰ NHIÊN, DÃY SỐ TỰ NHIÊN**

**Ngày dạy: 03/10/2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

*1. Năng lực đặc thù:*

- *Năng lực tư duy và lập luận toán học:* Ôn tập củng cố, khái quát hóa một số kiến thức về số tự nhiên và dãy số tự nhiên.

- *Năng lực mô hình hóa toán học*: Làm quen với yếu tố lịch sử Toán thông qua kiến thức về lịch sử phát sinh, phát triển khái niệm số tự nhiên. Vận dụng được các kiến thức về số tự nhiên và dãy số tự nhiên vào thực tế cuộc sống.

*2. Năng lực chung.*

- *Tự chủ và tự học*: Học sinh tích cực, chủ động suy nghĩ và thực hành.

- *Giao tiếp và hợp tác*: Trao đổi, thảo luận với bạn bè về các hiểu biết về lịch sử của số tự nhiên và ạy số tự nhiên và áp các tình huống thực tế.

- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Đề xuất được cách để tạo tia số về dãy số tự nhiên trong thực tế cuộc sống.

*3. Phẩm chất.*

- Hình thành sự chăm chỉ, ý thức trách nhiệm đối với bản thân và tập thể. Ham thích và niềm tin khi học Toán. Yêu thích học Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- ***GV***: Tranh khởi động; SGK Toán 1; Tivi LCD.

- ***HS***: SGK, VBT Toán tập 1, bộ đồ dùng học Toán 4.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5p**  **15p**  **15p**  **3p** | **A. Hoạt động mở đầu**  - ***Ổn định tổ chức****:* Cho HS hát “ Bé học phép trừ”.  - ***Khởi động***: Chơi trò chơi “*Ai là triệu phú*”.  *Câu 1:* Cho số 576123. Làm tròn số này đến hàng chục nghìn ta được số:  **A**. 576000; **B**. 570000  **C**. 580000; **D**. 600000  *Câu 2:* Có 21 292 người ở lễ hội ẩm thực. Hỏi lễ hội có khoảng bao nhiêu nghìn người?  **A**. 22 000 người; **B**. 21 000 người  **C**. 21 900 người; **D**. 21 200 người  *Câu 3*: Trong số 436 731 các số thuộc lớp nghìn gồm những số:   1. 7, 3, 1 2. 4, 3, 6 3. 4, 3, 7   *Câu 4*: Trong số 280 436 731 các chữ số thuộc lớp triệu gồm những chữ số:   1. 2, 8, 4 2. 2, 8, 0 3. 2, 4, 0   *Câu 5*: Cho các số: 0, 9, 3, 1, 5, 2, 4, 8, 7; 6 Xếp các số theo thứ tự tăng dần:   1. 0,1,3,2,4,5,6,7,8,9 2. 0,1,2,3,9,5,6,7,8,4 3. 0,1,2,3,4,5,6,7,8,9   + Em hãy kể một vài số đã học?  + Số 123 456 123 được tạo bởi mấy chữ số? Đó là các số nào?  *\* GV nêu và giới thiệu*: Các chữ số 1, 2, 3, 4, 5, 6. Là các kí hiệu toán học dùng để biểu diễn các số. Người Babylon phát triển một hệ đếm cơ bản với các số từ 1 đến 10. Thời Ai cập cổ đại cổ người dùng hình vẽ để biểu diễn số.  - Quan sát tranh và thảo luận.    - Để biểu diễn số 1 000 000 người Ai Cập cổ đã dùng những hình vẽ gì để biểu diễn các số?  - Số 321 431 được biểu diễn bới các kí hiệu nào?  - ***Kết nối***: Để biểu diễn số 1 000 000 người Ai Cập cổ đã vẽ một người đàn ông với dáng vẻ kinh ngạc. Ngày nay, để biểu diễn số người ta dùng các chữ số Ả rập. Vậy số tự nhiên xuất hiện nhằm mục đích gì? Thành tựu lớn nhất của số tự nhiên là gì? Đó là chính là việc trừu tượng hóa, dùng các chữ số để chỉ số lượng. Từ đây hình thành hệ thống để đếm được số lượng lớn, vậy số tự nhiên là gì, dãy số tự nhiên là gì ta học bài hôm nay.  - ***Ghi bảng***: *Số tự nhiên, dãy số tự nhiên*  **\* GV chốt chuyển**  **B. Hoạt động hình thành kiến thức.**  *1. Số tự nhiên có từ bao giờ?*  - GV yêu cầu HS đọc, và thảo luận nhóm 2 trả lời các câu hỏi sau:  - Số tự nhiên có từ bao giờ?  *2. Số tự nhiên là những số nào?*  *3. Thế nào là dãy số tự nhiên?*  - Để có hình ảnh về dãy số tự nhiên ta có thể biểu diễn các số tự nhiên ở đâu?  \* Số 0 ứng với điêm gốc của tia số, mỗi số tự nhiên ứng với một điểm trên tia số. Tia số có thể kéo dài mãi mãi.  *4. Dãy số tự nhiên có những đặc điểm gì?*  \* ***GV kết luận***: Số tự nhiên dùng để biểu thị phép đếm. Các sô tự nhiên sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn tạo thành dãy số tự nhiên; Dãy số tự nhiên có đặc điểm là: Thêm 1 vào bất cứ số nào cũng được số tự nhiên liền sau đó; Hai số tự nhiên liên tiếp thì hơn kém nhau là 1 đơn vị; Không có số tự nhiên lớn nhất và dãy số tự nhiên có thể kéo dài mãi. Số 0 là số tự nhiên bé nhất.  **Ví dụ 1:** Tìm số liền trước, liền sau của các số dưới đây: 56 372 5729 466  **Ví dụ 2:** Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 162, ...., 164 ...., 472, 473 856, 857, ....  **\* GV chốt chuyển**  **C. Hoạt động luyện tập, thực hành.**  **Bài 1: cá nhân**  - GV gọi HS đọc yêu cầu  - Bài yêu cầu làm gì?  - YC HS thực hiện theo cá nhân.  - YC học sinh làm vở bài tập.  - GV nhận xét, chữa bài.  **\* GV chốt, chuyển**  **Bài 2:** **cá nhân**  - Đọc yêu cầu bài.  - Gọi Hs đọc câu hỏi:  Ba bạn An, Bình và Cường đang tranh luận xem đâu là dãy số tự nhiên. Theo em, bạn nào đúng?  - Gv nhận xét, chữa bài, khen HS.  **\* GV chốt, chuyển.**  **\* Củng cố, dặn dò.**  - Qua bài học hôm nay em biết thêm được điều gì?  - Để có thể làm tốt các bài tập trên em  nhắn bạn điều gì?  - Nhận xét tiết học  - Chuẩn bị bài học sau:*Viết số tự nhiên trong hệ thập phân* | - TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ.  - HS chơi trò chơi.  - Đáp án đúng: **C**. 580000  Số 576123 có chữ số hàng nghìn là  6 > 5 nên làm tròn số này đến hàng chục nghìn ta được 576123 ≈ 580000.  - Đáp án đúng: **B**. 21000 người  Từ yêu cầu đề bài ta sẽ làm tròn số 21292 đến hàng nghìn.  Vì số 21292 có chữ số hàng trăm là  2 < 5 nên làm tròn số này đến hàng nghìn ta được 21292 ≈ 21000.  - Đáp án đúng: **B**. 4, 3, 6  - Đáp án đúng: **A**. 2, 8, 0  - Đáp án đúng: **C:** 0,1,2,3,4,5,6,7,8,9  - Các số: 0; 1; 2; 3; ... ; 9; 10; ... ; 100; ... ; 1000; ...  - Số 123 456 123 được tạo bởi 6 con số có thứ tự từ 1 đến 6. Đó là các số: 1, 2, 3, 4, 5, 6.  - HS quan sát tranh và thảo luận nhóm.      - HS nghe.  - HS nhắc nối tiếp và ghi đầu bài vào vở.  **-** HS đọc, và thảo luận nhóm 2 trả lời các câu hỏi.  - Số tự nhiên có từ thời cổ xưa.  2. Phát sinh từ việc đếm các đồ vật, con người, vật nuôi, hoa quả,... đây là kết quả của các phép đếm là các số một, hai, ba,... Ngày nay gọi Các số: 0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10; ...; 100; ... ; 1000; ... là các số tự nhiên.  3. Các số tự nhiên sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn tạo thành dãy số tự nhiên.  0; 1; 2; 3; 4; 5;6; 7;8;9; 10;.....  - Có thể biểu diễn dãy số tự nhiên trên tia số:    4. Dãy số tự nhiên có những đặc điểm  + Thêm 1 vào bất cứ số nào cũng được số tự nhiên liền sau đó. Vì vậy, không có số tự nhiên lớn nhất và dãy số tự nhiên có thể kéo dài mãi.  + Chẳng hạn, số 1 000 000 thêm 1 được  số tự nhiên liền sau là 1 000 001, số 1 000 001 thêm 1 được một số tự nhiên liền sau là 1 000 002, ...  + Bớt 1 ở bất kì số nào (khác số 0) cũng được số tự nhiên liền trước số đó.  + Chẳng hạn, bớt 1 ở số 1 được số tự nhiên liền trước số 0. Không có số tự nhiên nào liền trước số 0 nên số 0 là số tự nhiên bé nhất.  + Trong dãy số tự nhiên, hai số liên tiếp thì hơn hoặc kém nhau 1 đơn vị.  **Ví dụ 1:**  - Số liền trước của 56 là 55. Số liền sau của 56 là 57.  + Số liền trước của 372 là 371. Số liền sau của 372 là 373.  + Số liền trước của 5729 là 5728. Số liền sau của 5729 là 5730.  + Số liền trước của 466 là 465. Số liền sau của 466 là 467.  **Ví dụ 2:**  - Trong dãy số 162, ...., 164, ta cần điền thêm số 163 để được ba số tự nhiên liên tiếp.  - Trong dãy số ...., 472, 473, ta cần điền  thêm số 471 để được ba số tự nhiên liên tiếp.  - Trong dãy số 856, 857, ...., ta cần điền  thêm số 858 để được ba số tự nhiên liên tiếp.  - HS đọc yêu cầu.  - Chọn đáp án đúng.  Ba số tự nhiên liên tiếp là:  **A**. 100, 101, 103.  **B**. 199, 200, 201.  **C**. 210, 220, 230.  **D**. 896, 898, 900.  - HS làm vở bài tập.  *Lời giải:*  Đáp án đúng là: **B**  Ba số tự nhiên liên tiếp là:  199, 200, 201.  **Bài 2:** **cá nhân**  - HS đọc yêu cầu và câu hỏi:    - Bạn Cường đúng.  ***Chú ý:*** Số 0 là số tự nhiên bé nhất. Không có số tự nhiên lớn nhất và dãy số tự nhiên có thể kéo dài mãi.  - Dãy số của bạn An kết thúc ở số 100 nên sai.  - Dãy số của bạn Bình bắt đầu từ 1 nên sai.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - Lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy**

**Môn: Đạo đức**

**BÀI 2: EM BIẾT ƠN NGƯỜI LAO ĐỘNG (tiết 2 )**

**Ngày dạy: 03/10/2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

**- Năng lực điều chỉnh hành vi:**

**+** Thể hiện được lòng biết ơn người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.

+ Nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi biết ơn những người lao động.

**- Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội:** Bước đầu quan sát, tìm hiểu về các nghề nghiệp quanh em, có các hành vi ứng xử phù hợp trong đời sống hàng ngày thể hiện lòng biết ơn người lao động.

**2. Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học: Có ý thức tổng kết và trình bày được những điều đã học; Có ý thức học hỏi thầy cô, bạn bè và người khác để củng cố và mở rộng hiểu biết; Có ý thức học tập và làm theo những tấm gương người tốt.

- Giao tiếp và hợp tác: Tập trung chú ý khi giao tiếp; nhận ra được thái độ của đối tượng giao tiếp; trao đổi thảo luận nhóm để thực hiện các nhiệm vụ chọc tập

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo***:*** Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề, sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất**

- Yêu nước: kính trọng, biết ơn người lao động

- Nhân ái: Tôn trọng sự khác biệt của bạn bè trong lớp về cách ăn mặc, tính nết và hoàn cảnh gia đình ....

*\* GDLTCM, ĐĐLS: GD học sinh thể hiện được lòng biết ơn người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

– SGK, SGV, SBT Đạo đức 4 (Bộ sách Cánh diều).

– Tranh, hình ảnh về nghề nghiệp quanh em, thăm tình huống , thẻ mặt cười, mặt mếu.

– Máy tính, ti vi,..

**2. Học sinh**

**-** SGK, SBT, đồ dùng học tập

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 5p  25p  5p | **1. Khởi động**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Nghề gì?” (Phụ lục 1)  - Cho HS xem các đồ dùng, dụng cụ liên quan đến nghề nghiệp và yêu cầu HS đoán tên nghề nghiệp đó.  - Mời HS giới thiệu nghề nghiệp của cha mẹ mình. Sau đó dẫn dắt giới thiệu vào bài học.  **2. Luyện tập**  **HĐ 1: Em đồng tình hay không đồng tình với lời nói, việc làm của bạn nào sau đây? Vì sao?**  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “***Ai nhanh ai đúng”.***  - GV phổ biến luật chơi: Học sinh quan sát từng tranh, đọc thông tin nhanh, trong thời gian 15 giây suy nghĩ và giơ thẻ mặt cười nếu đồng tình, mặt mếu nếu không đồng tình. Những bạn trả lời đúng hết 4 lượt chơi sẽ được tuyên dương, những bạn trả lời chưa đúng sẽ bị phạt khi kết thúc trò chơi.( Gv lựa chọn hình phạt vui như: múa theo lời bài hát, làm động tác minh họa vệ một nghề nào đó để các bạn đoán,…)  - Gv chiếu từng tranh học sinh giơ thẻ    - Gv nhận xét, tuyên dương và yêu cầu một số học sinh giải thích lí do vì sao đồng tình?  **HĐ 2: Xử lí tình huống**  – GV yêu cầu HS đọc tình huống trong SGK và trả lời câu hỏi:  + TH1: Nếu biết việc làm của An em sẽ ứng xử như thế nào?  + TH2: Nếu là Hằng, em sẽ ứng xử như thế nào?  + TH3 : Nếu là Ngân, em sẽ ứng xử như thế nào?  - GV chia lớp thành các nhóm 4, các nhóm bốc thăm chọn tình huống, thảo luận xử lí tình huống trong thời gian 3 phút  – Mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét (ưu tiên các nhóm có cùng tình huống nhận xét trước, thông qua đó Gv kiểm tra được kết quả thảo luận của nhóm)  - GV nhận xét, rút ra cách xử lí phù hợp, hay.  **3. Vận dụng**  **HĐ 1: Hãy chia sẻ với bạn bè, người thân về những lời nói, việc làm thể hiện sự biết ơn của em với người lao động**  - GV cho HS thảo luận nhóm 2 thảo luận nội dung vận dụng  - GV nhận xét, tuyên dương  **HĐ 2: Em hãy nhắc nhở bạn bè, người thân thực hiện lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn người lao động**  *\* GDLTCM, ĐĐLS: GD học sinh thể hiện được lòng biết ơn người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.*  - GV yêu cầu học sinh ghi lại những việc em đã làm để để nhắc nhở bạn bè, người thân thực hiện lời nói, việc làm thể hiện lòng biết ơn người lao động.  - Học sinh chia sẻ lại kết quả ở tuần học sau.  - GV cho HS đọc lời khuyên trong SGK  - Gv hỏi học sinh về ý nghĩa của lời khuyên đó?  - Gv nhận xét, chốt ý đúng: Câu ca dao ca ngợi và khẳng định giá trị của hạt gạo, cũng như sự vất vả của người lao động làm ra hạt gạo. Nhắc nhở chúng ta phải quý trọng thành quả lao động và những người lao động chân chính đã đem lại lợi ích cho đời sống.  \*  **Củng cố, dặn dò**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  - GV nhắc nhở HS:  + Thể hiện được lòng biết ơn người lao động bằng lời nói, việc làm cụ thể phù hợp với lứa tuổi.  + Nhắc nhở bạn bè, người thân có thái độ, hành vi biết ơn những người lao động.  +Thực hiện nhiệm vụ ở phần vận dụng và chia sẻ ở tiết học sau.  + Đọc trước *Bài 3 – Em nhận biết sự cảm thông, giúp đỡ người khó khăn* (SHS tr.13). | - HS tham gia trò chơi  - HS lắng nghe luật chơi  - HS giơ thẻ  + Đồng tình với hành động và lời nói ở tranh 1, 2, 3. Vì đã thể hiện sự lễ phép và biết ơn người lao động của các bạn nhỏ.  + Không đồng tình với tranh 4. Vì bạn đã lãng phí đồ ăn, lẵng phí công sức của người chế biến đồ ăn.  - HS đọc tình huống  - Đại diện nhóm bốc thăm tình huống và thảo luận.  - Đại diện các nhóm báo cáo, các nhóm khác nhận xét.  Dự kiến sản phẩm  + TH 1: Em sẽ nói với An lấy dụng cụ gọt bút chì gọt phần bị gãy và dùng tiếp. Tránh lãng phí tiền mua đồ dùng học tập.  + TH2: Nếu là Hằng em sẽ bảo các bạn dừng hành động nhại lại giọng của cô bán bánh giò, làm như vậy là thiếu lịch sự, mỗi người có nghề nghiệp và đóng góp khác nhau cho xá hội, cần tôn trọng người bán hàng.  + TH3 : Nếu là Ngân em sẽ giải thích cho e Ngọc hiểu : “ Bác sĩ tuy làm em đau nhưng là đang bảo vệ sức khỏe cho em giúp em khỏe mạnh hơn, em phải biết ơn bác sĩ đã chữa bệnh cho em và mọi người”  - Học sinh lắng nghe  - 1 bạn hỏi, 1 bạn trả lời và ngược lại  Hỏi: Bạn đã ứng xử như thế nào để thể hiện lòng biết ơn và kính trọng người lao động?  TL:  + Mỗi khi được cô phục vụ quán ăn đưa phần ăn cho mình, thì mình nói “ cháu cảm ơn ạ!”  + Nếu thức ăn có không vừa miệng mình vẫn ăn hết không bỏ thừa.  + Mình sẽ ăn hết cơm có trong bát, không bỏ phí hạt nào.  + Khi bác đưa thư đến gửi thư cho mẹ, mình nhận thay và nói “ Cháu cảm ơn bác ạ!”   * Học sinh nêu |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy**

**Môn: Lịch sử và địa lí**

**BÀI 3 :**

**THIÊN NHIÊN VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ ( Tiết 1)**

**Ngày dạy: 03/10/2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù môn Lịch sử và Địa lí**

*- Nhận thức khoa học LS&ĐL:* Xác định được vị trí địa lí, một số địa danh trên lược đồ. Xác định được một số địa danh tiêu biểu (ví dụ: dãy núi Hoàng Liên Sơn, đỉnh Phan-xi-păng, cánh cung Sông Gâm, cao nguyên Mộc Châu, cao nguyên Sơn La...) của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trên bản đồ hoặc lược đồ.

*- Tìm hiểu LS&ĐL:* Quan sát lược đồ, tranh ảnh, mô tả được một trong những đặc điểm thiên nhiên (ví dụ: địa hình, khí hậu, sông ngòi, ...) của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- *Vận dụng kiến thức, kĩ năng:* Nêu được một cách đơn giản ảnh hưởng của vị trí địa lí, địa hình, khí hậu, sông ngòi đối với đời sống và sản xuất của người dân ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng chống thiên tai ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

*\*ANQP: Nêu ý nghĩa và tầm quan trọng của dãy Hoàng Liên Sơn trong cuộc chiến tranh chống giặc ngoại xâm*

**2. Năng lực chung**

*- Tự chủ và tự học:* Tự đọc thông tin, quan sát tranh, xem video tự đưa được ra phương án giải quyết các nhiệm vụ học tập.

*- Giao tiếp và hợp tác:* Làm việc nhóm, trình bày được kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập.

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Đưa ra được lời khuyên phù hợp để bảo đảm sức khỏe và phòng chống thiên tai.

**3. Phẩm chất**

*- Trách nhiệm:* Có ý thức bảo vệ thiên nhiên và phòng chống thiên tai.

- *Chăm chỉ*: Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập và luôn tự giác tìm hiểu, khám phá tri thức liên quan đến nội dung bài học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Tranh ảnh, video về phong cảnh về dãy Hoàng Liên Sơn, vùng trung du và một số cao nguyên nổi tiếng như: Đồng Văn (tỉnh Hà Giang) Mộc Châu (tỉnh Sơn La)...

- Tranh ảnh một số thiên tai: lũ quét, sạt lở đất, giá rét...

- Máy tính, tivi.

**2. Học sinh**

- Sưu tầm một số bức ảnh về phong cảnh, ảnh tuyết rơi ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 3p    10p  10p  7pp  7p’  2p | **1. Khởi động**  \* Chiếu video bài hát “Xin chào Việt Nam”, dẫn dắt giới thiệu về nội dung video và chương trình *LS&ĐL Lớp 4.*  \* Yêu cầu HS mở phần mục lục, hỏi HS các chủ đề tương ứng với các vùng miền của nước ta.  Trình chiếu kết hợp giới thiệu.  \* Dẫn vào bài học: (Kĩ thuật tia chớp)  - Nêu câu hỏi ở phần Khởi động trang 14 SGK.  + Em hãy cho biết đỉnh núi nào cao nhất nước ta?  + Đỉnh núi đó thuộc vùng nào của Việt Nam?  + Hãy chia sẻ hiểu biết về thiên nhiên vùng đất này.  - Mời 2 - 4 HS trả lời các câu hỏi.  - Nhận xét.  - Giới thiệu chủ đề  - Giới thiệu bài học.  **2. Khám phá**  **2.1. Vị trí địa lí 7’ -10’**  **Hoạt động 1: Xác định vị trí địa lí vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ**  \* Hướng dẫn HS xác định hướng, vị trí trên lược đồ.  Đông  Nam  Bắc  Tây  Tây Bắc  Đông Nam  Đông Bắc  Tây Nam  - Nhắc HS lưu ý: khi chỉ trên bản đồ phạm vi của vùng thì phải khoanh kín theo ranh giới của vùng đó.  - Giao việc: Quan sát lược đồ hình 1 trang 15 SGK, em hãy:  + Chỉ ranh giới của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ trên hình 1.  + Cho biết vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ tiếp giáp với những vùng nào, quốc gia nào?  - Yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi thực hiện nhiệm vụ.  - Mời đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp.  - Nhận xét, khen, khuyến khích HS.  - Kết luận, chốt kiến thức kết hợp chỉ lại và trình chiếu.  **2.2. Đặc điểm thiên nhiên**  **Hoạt động**  **2: Tìm hiểu về địa hình vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ**  \* Hướng dẫn HS đọc chú giải, xác định độ cao, địa hình tương ứng với từng màu sắc; xác định các kí hiệu liên quan.  \* Tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4 để thực hiện nhiệm vụ:  Đọc thông tin, quan sát hình 1 trang 15 SGK và tranh ảnh về dãy Hoàng Liên Sơn, vùng trung du và cao nguyên Đồng Văn (tỉnh Hà Giang), cao nguyên Mộc Châu (tỉnh Sơn La),... (nếu có), em hãy:  + Xác định vị trí dãy Hoàng Liên Sơn, đỉnh Phan-xi-păng, cao nguyên Mộc Châu  + Mô tả địa hình vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  - Nhận xét, khen, khuyến khích HS.  - Kết luận.  \* Yêu cầu HS chỉ và nói lại với nhau trong nhóm đôi nội dung cô vừa chữa.  \* Mời HS đọc mục *Em có biết?* trang 15.  *\*ANQP: Nêu ý nghĩa và tầm quan trọng của dãy Hoàng Liên Sơn trong cuộc chiến tranh chống giặc ngoại xâm*  - Mở rộng cho HS thông tin về ý nghĩa và tầm quan trọng của dãy Hoàng Liên Sơn trong cuộc chiến tranh chống giặc ngoại xâm.  - Chốt kết hợp minh hoạ trình chiếu: Đặc điểm địa hình vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ: địa hình chủ yếu là núi cao, đồi dạng bát úp và nhiều cao nguyên nổi tiếng. Nơi đây có dãy Hoàng Liên Sơn cao, đồ sộ nhất nước ta với đỉnh Phan-xi-păng được mệnh danh là “Nóc nhà Đông Dương”…  **Hoạt động 3: Tìm hiểu về khí hậu vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ**  \* Giới thiệu sơ lược về các đới khí hậu cơ bản trên Trái Đất.    Xích đạo  **Hàn đới**  **Ôn đới**  **Nhiệt đới**  - Phân tích sơ lược cho HS hiểu: ảnh hưởng của vị trí địa lí, địa hình đến khí hậu.  \* Tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 4 để thực hiện nhiệm vụ học tập.  + Đọc thông tin và quan sát hình 2 trang 16 SGK, em hãy mô tả đặc điểm khí hậu của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  + Vì sao vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có khí hậu như vậy?  +Hãy giới thiệu về một số bức ảnh tuyết rơi ở Trung du và miền núi Bắc Bộ mà em đã sưu tầm (câu hỏi này không bắt buộc, khuyến khích HS làm).  - Kết luận, chốt: *Đặc điểm khí hậu ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ: khí hậu có sự khác biệt giữa mùa hạ và mùa đông. Đây là nơi có mùa đông lạnh nhất nước ta và đôi khi có tuyết rơi ở một số vùng núi cao.*  **Hoạt động 4: Tìm hiểu về sông ngòi vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ**  – Bước 1: GV tổ chức cho HS làm việc theo cặp để thực hiện nhiệm vụ học tập.  + Xác định vị trí sông Hồng, sông Đà và sông Lô trên hình 1 trang 15 SGK.  + Đọc thông tin và quan sát hình 3 trang 16 SGK, em hãy mô tả đặc điểm sông ngòi của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  **Lưu ý cho HS**: khi chỉ một dòng sông trên bản đồ thì cần phải chỉ từ nơi bắt nguồn đến nơi dòng sông đổ ra.  - Nhận xét kết quả thảo luận của các nhóm.  - KL, chốt kiến thức: *Đặc điểm sông ngòi vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ: có nhiều sông, sông có nhiều thác ghềnh, nước chảy mạnh.*  **3. Củng cố nối tiếp**  - Gv nhận xét tiết học, tuyên dương những hs tích cực phát biểu.  - Về nhà chuẩn bị bài học sau | - Hs hát  - Lắng nghe  - Cá nhân đọc.  - 2 HS nêu.  - Cá nhân nghe, quan sát.  - Cá nhân nghe, quan sát.  - Suy nghĩ, thi đua trả lời.  - Cá nhân theo dõi.  - Quan sát.  Vẽ nhanh vào vở ghi chép cá nhân.  - Cá nhân theo dõi.  - Cá nhân nghe, nhận nhiệm vụ.  - Thảo luận nhóm đôi.  - 2- 3 HS lên bảng.  HS khác nhận xét câu trả lời và cách chỉ lược đồ của bạn.  - Cá nhân theo dõi, quan sát.  - Cá nhân nhận nhiệm vụ.  - Cá nhân thực hiện nhiệm vụ.  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời và cách chỉ lược đồ.  - Cá nhân nghe, quan sát.  - Hoạt động nhóm đôi.  - 2 HS đọc, lớp theo dõi.  - Cá nhân nghe, quan sát.  - Cá nhân nghe, quan sát.  - Cá nhân nghe, quan sát.  - Cá nhân nghe, quan sát.  - Cá nhân ghi vào vở ghi chép cá nhân các đới khí hậu.  - Cá nhân nghe, quan sát.  - Cá nhân nhận nhiệm vụ.  - Cá nhân thực hiện nhiệm vụ.  - Thảo luận nhóm 4.  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp kết hợp chia sẻ bức ảnh tuyết rơi (nếu có).  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời và cách chỉ lược đồ.  - Cá nhân nghe, quan sát.  - Cá nhân nghe, quan sát.  - Cá nhân nhận nhiệm vụ.  - Cá nhân thực hiện nhiệm vụ.  - Thảo luận nhóm 2.  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp kết hợp chia sẻ bức ảnh tuyết rơi (nếu có).  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời  - Lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy**

**Môn: KHOA HỌC**

**Bài: Không khí xung quanh ta ( 2 tiết)**

**Ngày dạy: 03/10/2024**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**
2. **Năng lực đặc thù**

- Kể được tên thành phần chính của không khí.

- Quan sát, làm thí nghiệm để: nhận biết được sự có mặt của không khí; xác định được một số tính chất của không khí; nhận biết được trong không khí có hơi nước, bụi.

- Trình bày được ứng dụng tính chất của không khí đối với đời sống.

1. **Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: Chú ý học tập, tự giác tìm hiểu các thành phần của không khí, các tính chất của không khí, ứng dụng tính chất của không khí đối với đời sống.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nhận biết và giải thích được ở mức độ đơn giản các hiện tượng về môi trường không khí xung quanh thông qua các thí nghiệm được thực hiện.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tích cực, sôi nổi và nhiệt tình trong hoạt động nhóm, có khả năng trình bày trước lớp kết quả thảo luận và giải thích cho các thí nghiệm về không khí được thực hiện.

1. **Phẩm chất**

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ môi trường không khí xung quanh.

**II. Đồ dùng**

**1. Thiết bị dùng chung cho cả lớp:** Hình ảnh về biểu đồ thành phần không khí; các hình ảnh minh họa trong sách giáo khoa cho các thí nghiệm về không khí được thực hiện.

**2. Thiết bị dùng để thực hành theo nhóm, cá nhân:** Bộ dụng cụ thí nghiệm cho từng nhóm: hai cốc nước như nhau, các viên nước đá; một chậu nước, một chai rỗng có nắp đậy, một miếng mút xốp; một chiếc bơm tiêm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3p**  **8p**  **10p**  **10p**  **5p** | **1. Khởi động**  - GV cho cả lớp vận động và hát theo bài hát “Tập thể dục buổi sáng”.  - GV đặt câu hỏi:  *+ Hãy cho biết sau khi đếm 1, 2, 3, 4 thì các bạn nhỏ trong bài hát làm gì?*  *+ Khí nào trong không khí cần thiết cho sự hô hấp của con người, động vật và thực vật?*  - GV dẫn dắt vào bài mới: “Không khí xung quanh ta”.  **2. Khám phá kiến thức mới**  **HĐ1: Xác định thành phần của không khí**  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu trong SGK trang 17.  *“Dựa vào các hình dưới đây, cho biết:*  *+ Thành phần chính của không khí.*  *+ Ngoài các thành phần chính, trong không khí còn chứa những gì?”*  sgk tr 17 - KH4 - CD  - GV yêu cầu HS quan sát hình 1, 2, 3; sau đó thảo luận nhóm 2 để trả lời:  *+ Các thành phần chính của không khí.*  *+ Ngoài các thành phần chính, trong không khí còn chứa những gì?*  - GV yêu cầu một số HS trả lời, các HS còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét và bổ sung (nếu có).  **HĐ2: Thực hành thí nghiệm nhận biết trong không khí có hơi nước**  - GV phổ biến cho HS thực hiện thí nghiệm để nhận biết trong không khí có hơi nước như sau:  *\*Chuẩn bị: Hai cốc nước như nhau và các viên nước đá.*  *\*Tiến hành:*  *+ Quan sát bên ngoài thành cốc A và cốc B.*  *+ Cho một số viên nước đá vào cốc B. Sau khoảng từ 3 đến 5 phút, quan sát hiện tượng xảy ra ở bên ngoài thành cốc A và cốc B.*  - GV chia lớp thành các nhóm 6, phát bộ thí nghiệm cho từng nhóm và yêu cầu các nhóm tiến hành thí nghiệm.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả thí nghiệm, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV yêu cầu HS tiếp tục thảo luận nhóm 6 và đưa ra lí do giải thích thành cốc B bị bám những giọt nước nhỏ.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trả lời, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét và bổ sung (nếu có).  3. Luyện tập và vận dụng  **HĐ3: Liên hệ thực tế về việc không khí có chứa bụi, hơi nước**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 để nêu một số ví dụ chứng minh trong không khí có chứa hơi nước, bụi.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trả lời, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV đặt câu hỏi để HS rút ra kết luận:  *+ Trong không khí gồm có những thành phần nào?*  *+ Đâu là thành phần chính của không khí?*  - GV nhận xét và bổ sung (nếu có).  ***\*Tiếp nối:***  - GV yêu cầu HS về nhà xem lại bài.  - GV yêu cầu HS chuẩn bị nội dung tiết học tiếp theo: “Không khí xung quanh ta (tiết 2)”. | - HS vận động và hát theo bài hát.  - HS trả lời.  *+ Các bạn nhỏ hít thở.*  *+ Khí ô-xi.*  - HS lắng nghe.  - HS đọc yêu cầu.  - HS thực hiện.  - Một số HS trả lời, các HS còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  *+ Các thành phần chính của không khí: khí ni–tơ, khí ô–xi.*  *+ Ngoài các thành phần chính, trong không khí còn chứa: khí các–bô–níc và các chất khí khác.*  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện.  - Đại diện một số nhóm trình bày kết quả thí nghiệm, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  *+ Thành cốc B bị bám những giọt nước nhỏ.*  - HS thực hiện.  - Đại diện một số nhóm trả lời, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  *+ Do cốc B có nước đá nên nhiệt độ xuống thấp, khiến cho hơi nước trong không khí xung quanh cốc bị ngưng tụ thành giọt nước nhỏ bám quanh thành cốc.*  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện.  - Đại diện một số nhóm trả lời, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  *+ Vào sáng sớm, đặc biệt là vào mùa đông, trời lạnh, ta sẽ thấy hiện tượng sương mù.*  *+ Khi để đồ vật ở bên ngoài không khí, không có che chắn gì, sau một thời gian sẽ thấy bụi bẩn bám vào đồ vật.*  - HS trả lời.  *+ Trong không khí gồm có: khí ni–tơ, khí ô–xi, hơi nước, khói, bụi, khí các–bô–níc và các chất khí khác.*  *+ Thành phần chính của không khí là khí ni–tơ và khí ô–xi.*  - HS lắng nghe.  - Lắng nghe |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy**

**Môn: Tiếng Việt**

**Góc sáng tạo: Đố vui: Ai chăm, ai ngoan**

**Ngày dạy: 04/10/2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Phát triển năng lực đặc thù:**

**1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ:**

- Viết được đoạn văn (đoạn thơ) về một người bạn chăm chỉ (hoặc con vật biểu tượng của phẩm chất chăm chỉ).

- Nói (đọc) rõ ràng, truyền cảm khi ra câu đố và giải đố.

- Biết trang trí cây hoa phù hợp với chủ điểm *Chăm học, chăm làm.*

**1.2. Phát triển năng lực văn học:**

- Biết thể hiện cảm xúc khi đọc, nói, viết về PC chăm chỉ

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung và phẩm chất**

- Phát triển NL giao tiếp và hợp tác (thông qua HĐ nhóm, lớp); NL tự chủ và tự học (qua việc tìm hiểu về người bạn và các con vật biểu tượng của PC chăm chỉ); NL giải quyết vấn đề và sáng tạo (qua HĐ viết và trang trí bài viết).

- Bồi dưỡng PC chăm chỉ, nhân ái.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV chuẩn bị: Ti vi, máy tính.

- HS chuẩn bị: SGK Tiếng Việt 4, tập 1.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời lượng** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3p**  **10p**  **15p**  **5p**  **3p** | **1. Khởi động**  - GV dẫn dắt vào bài mới: Trong tiết góc sáng tạo hôm nay, chúng ta sẽ tham gia trò chơi đố vui: *“Ai chăm, ai ngoan?”* để rèn luyện các kĩ năng viết, nói về chủ điểm *Chăm học, chăm làm*. Chúc các em có một tiết học vui, bổ ích và sáng tạo.  2. Hoạt động thực hành  **Hoạt động 1: Chuẩn bị câu đố (BT1)**  - GV yêu cầu HS đọc và nắm vững yêu cầu bài tập 1.  - GV cho HS thực hiện nhóm đôi và thực hiện yêu cầu vào giấy ôly bằng ¼ tờ A4.  - GV gọi đại diện nhóm trình bày kết quả.  - GV nhận xét chung kết quả các nhóm và tuyên dương nhóm hoàn thành tốt bài tập.  **Hoạt động 2: Gắn câu đố lên cây hoa (BT2)**  - GV chuẩn bị cây hoa (có gốc, cành, lá), một chậu hoa viền giấy màu có dòng chữ “Ai chăm, ai ngoan?”; băng dính 2 mặt, giấy màu (nhiều màu)  - GV nhận xét và tuyên dương.  **Hoạt động 3: Hái hoa và giải câu đố**  - GV gọi 1 HS làm quản trò- tổ chức trò chơi “Hái hoa và giải câu đố”  - GV nhận xét, tuyên dương HS có câu trả lời đúng.  **4. Củng cố nối tiếp**  - GV nhận xét tiết học, tuyên dương những cá nhân HS và nhóm tích cực trong việc chuẩn bị cây hoa, có câu đố hay, giải nhiều câu đố đúng. | - Hs lắng nghe  1-2 HS đọc yêu cầu BT1.  - HS thực hiện nhóm đôi.  - 3-4 nhóm trình bày kết quả.  - HS lắng nghe và nhận xét  - HS thực hiện làm các bông hoa  - Đại diện các tổ gắn câu đố lên cây.  - HS cả lớp theo dõi và cổ vũ nhóm HS trang trí cây hoa “Ai chăm, ai ngoan”  - Người quản trò có thể gọi theo tinh thần xung phong hoặc gọi trực tiếp HS bất kì trong lớp khởi động cho trò chơi (người chơi đầu tiên)  (Người giải đúng có quyền chỉ định người chơi tiếp sau mình) |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy**

**Môn: Tiếng Việt ( LT)**

**ÔN TẬP**

**Ngày dạy: 4/10/2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Sắp xếp được danh từ thành các nhóm.

- Phân biệt được các danh từ riêng chỉ tên người, tên địa lí

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

– GV chuẩn bị: Ti vi, máy tính.

– HS chuẩn bị: SGK Tiếng Việt 4, tập 1, vở bài tập Tiếng Việt.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 4p  12p    15p  4p | **1. Khởi động**  **\* Giới thiệu bài**: Bài học hôm nay sẽ giúp ta luyện tập sử dụng danh từ chung và danh từ riêng khi nói, viết và sắp xếp được danh từ thành các nhóm.  **2. Hình thành kiến thức**  **Hoạt động 1: Luyện tập**  - Yêu cầu học sinh hoàn thành nội dung bài tập vào bảng nhóm  **Câu 1:**Cho các danh từ sau: nhân dân, giáo viên, xe máy, bàn ghế, sấm, chớp, thước kẻ, bút bi, bác sĩ, ông nội, sóng thần, mưa phùn. Xếp các từ trên vào các nhóm sau: a) Danh từ chỉ người:.... b) Danh từ chỉ vật (đồ vật): . c) Danh từ chỉ hiện tượng:  - Hướng dẫn HS hoạt động nhóm thực hiện các bài tập.  - Tổ chức cho HS báo cáo kết quả.  - Nhận xét về tinh thần làm việc của các nhóm, kết quả trình bày và góp ý của các nhóm.  **Hoạt động 2: Vận dụng**  **-** GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi tiếp sức  - GV phổ biến luật chơi, chia nhóm  Câu hỏi  Tìm danh từ cho mỗi nhóm dưới đây:   * Từ chỉ nghề nghiệp: * Từ chỉ đồ dùng, đồ chơi: * Từ chỉ các buổi trong ngày: * Từ chỉ các mùa trong năm:   - GV nhận xét, tuyên dương các đội chơi.  **4. Củng cố dặn dò:**  - Yêu cầu HS nhắc lại bài học.  - Chuẩn bị cho bài **Chia sẻ và bài đọc 1:** Cau | - Lắng nghe.  - Hs thảo luận nhóm  - Lắng nghe.  - 2 HS nối tiếp đọc đề, cả lớp đọc thầm.  - Thảo luận nhóm (5-6 HS).  - Một số nhóm báo cáo kết quả.  a) Danh từ chỉ người: nhân dân, giáo viên, bác sĩ, ông nội b) Danh từ chỉ vật (đồ vật): xe máy, bàn ghế, thước kẻ, bút bi c) Danh từ chỉ hiện tượng: sấm, chớp, sóng thần, mưa phùn.  - Các nhóm khác nhận xét, góp ý.  - HS lắng nghe, tham gia trò chơi.  +Từ chỉ nghề nghiệp: giáo viên, bác sĩ, kĩ sư, lập trình viên  +Từ chỉ đồ dùng, đồ chơi: bút, thước, ô tô, tàu hỏa, nồi cơm  +Từ chỉ các buổi trong ngày: sáng, trưa, chiều, tối.  +Từ chỉ các mùa trong năm: Xuân, Hạ, Thu, Đông  - Lớp nhận xét, góp ý.  - HS nêu bài học.  - Lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

**Môn: Toán**

**VIẾT SỐ TỰ NHIÊN TRONG HỆ THẬP PHÂN**

**Ngày dạy: 04/10/2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

*Sau khi học xong bài này học sinh đạt các yêu cầu sau:*

*1. Năng lực đặc thù:*

- *Năng lực tư duy và lập luận toán học:* Ôn tập củng cố, khái quát hóa một số kiến thức về hệ thập phân và viết số tự nhiên trong hệ thập phân. So sánh các số tự nhiên.

- *Năng lực mô hình hóa toán học*: Vận dụng được các kiến thức về hệ thập phân và viết số tự nhiên, So sánh các số tự nhiên trong hệ thập phân vào thực tế cuộc sống.

*2. Năng lực chung.*

- *Tự chủ và tự học*: Học sinh tích cực, chủ động suy nghĩ và thực hành.

- *Giao tiếp và hợp tác*: Tích cực hợp tác trong nhóm, cẩn thận và sáng tạo trong thực hành về các hiểu biết về viết số tự nhiên trong hệ thập phân và áp các tình huống thực tế.

- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Đề xuất được một số cách khái quát hóa về hệ thập phân và viết số tự nhiên trong hệ thập phân trong thực tế cuộc sống.

*3. Phẩm chất.*

- Hình thành sự chăm chỉ, ý thức trách nhiệm đối với bản thân và tập thể. Ham thích và niềm tin khi học Toán. Yêu thích học Toán.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- ***GV***: Tranh khởi động; SGK Toán 1; Tivi LCD.

- ***HS***: SGK, VBT Toán tập 1, bộ đồ dùng học Toán 4.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5p**  **15p**  **15p**  **5p** | **A. Hoạt động mở đầu**  - ***Ổn định tổ chức***: cho HS nhảy “vũ điệu rửa tay”.  - ***Khởi động***: Trò chơi “*Ong non học việc*”.  Câu 1: Viết số thích hợp vào chỗ trống:  123; 124; ….. ; ….. ; ….. ;   1. 125; 126; 127 2. 126; 127; 128 3. 125; 127; 129   Câu 2: Có số tự nhiên lớn nhất không?   1. Không 2. Có 3. Không có đán án đúng   Câu 3: Số tự nhiên liền sau số 32 323 là:   1. 32 322 2. 32 323 3. 32 324   Câu 4: Dãy số nào dưới đây là dãy số tự nhiên?   1. 0,1,2,4,3,5,.... 2. 0,1,2,3,4,5,… 3. 0,1,3,4,5,6,..   - Cho HS quan sát tranh và thảo luận nhóm đôi.    + Tranh vẽ gì?  - ***Kết nối***: Hệ thập phân là gì? Vậy để biết hệ thập phân hay còn gọi là hệ đếm cơ số 10, dây là hệ đếm rộng rãi và phổ biến nhất trong toán học và trong đời sống hằng ngày, ý nghĩa, hệ thập phân sẽ sử dụng 10 số {0;1;2;3;4;5;6;7;8;9} để biễu diễn. Mọi phần tử của một số số trong hệ thập phân đều nằm trong danh sách 10 con số nhỏ này. Vậy ta học qua bài hôm nay nhé.  - ***Ghi bảng***: *Viết số tự nhiên trong hệ thập phân*  **B. Hoạt động hình thành kiến thức**  - GV yêu cầu HS đọc và thảo luận các thông tin có trong khung kiến thức và trả lời các câu hỏi sau:  ***1. Hệ thập phân***  - Thế nào là hệ thập phân? Hãy nêu ví dụ về hệ thập phân.  ***2. Viết số tự nhiên trong hệ thập phân***  - Hãy nêu cách viết số tự nhiên trong hệ thập phân? Lấy ví dụ về viết số tự nhiên trong hệ thập phân.  ***3. So sánh các số tự nhiên***  - So sánh hai số tự nhiên là gì?  - Cách so sánh hai số tự nhiên?  ***\* GV kết luận***:  1. Trong hệ thập phân, cứ mười đơn vị ở một hàng hợp lại thành một đơn vị ở hàng trên tiếp liền nó.  2. Với mười chữ số: 0 , 1 , 2 , 3 , 4 , 5 , 6 , 7 , 8 , 9 có thể viết được mọi số tự nhiên.  Ở mỗi hàng chỉ có thể viết được một chữ số. Giá trị của mỗi chữ số phụ thuộc vào vị trí của nó trong số đó.  3. Dựa vào vị trí của các số trong dãy số tự nhiên, số nào được đếm trước thì bé hơn; Dựa vào quy tắc so sánh các số có nhiều chữ số.  **\* GV chốt chuyển**  **C. Hoạt động luyện tập, thực hành.**  **Bài 1: cá nhân**  - Gọi HS đọc yêu cầu bài.  - Bài tập yêu cầu làm gì?  ***\* GV hướng dẫn***:  a) Khi đọc số có nhiều chữ số, ta tách số thành từng lớp, từ lớp đơn vị đến lớp nghìn rồi lớp triệu. Sau đó dựa vào cách đọc số có tới ba chữ số thuộc từng lớp  để đọc và đọc từ trái sang phải.  b) Viết số lần lượt theo thứ tự từ trái sang phải là các hàng chục triệu, hàng triệu, hàng trăm nghìn, hàng chục nghìn, hàng nghìn, hàng trăm, hàng chục, hàng đơn vị..  - Yêu cầu HS thảo luận cách đọc và cách viết các số đã cho.  - Gọi đại diện một số HS nêu cách đọc  và viết của mình với các số đã cho.  - GV gọi HS nhận xét, chữa bài.  - GV nhận xét, thuyên dương HS.  **\* Chốt chuyển**  **Bài 2: nhóm đôi**  - Đọc yêu cầu bài tập.  - Bài yêu cầu làm gì?  - Bài cho biết gì?  ***\* GV hướng dẫn:***  - Thế nào là dạng khai triển thập phân của một số?  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và làm vở bài tập.  - Yêu cầu, Đại diện các nhóm trình bày  kết quả bài làm của mình.  *\* Xác định giá trị của mỗi chữ số rồi viết số đã cho thành tổng.*  **Lời giải**  ***265 175; 1 050 694; 321 126; 57 605***  **1.** 265 175 = 200 000 + 60 000 + 5 000 + 100 + 70 + 5  **2.** 1 050 694 = 1 000 000 + 50 000 + 600 + 90 + 4  **3.** 321 126 = 300 000 + 20 000 + 1 000 + 100 + 20 + 6  **4**. 57 605 = 50 000 + 7 000 + 600 + 5  - GV yêu cầu HS nhận xét, chữa bài  - GV nhận xét, khen HS.  **\* Chốt chuyển**  **Bài 3: cá nhân**  - Đọc yêu cầu bài tập?  - Bài cho biết gì?  - GV yêu cầu HS nhắc lại: *Thêm 1 vào bất kì số nào cũng được số tự nhiên liền sau đó. Bớt bất kì số nào khác (Khác số 0) cũng được số tự nhiên liền trước đó*.  - GV yêu cầu HS làm bài vào vở bài tập, sau đó đổi vở kiểm tra kết quả chéo nhau.  - Giáo viên gọi một số học sinh trình bày bài làm của mình.  ***\* Hướng dẫn:***  *- Muốn tìm số liền trước của một số ta lấy số đó trừ đi 1.*  *- Muốn tìm số liền sau của một số ta lấy số đó cộng thêm 1.*  - GV yêu cầu nhận xét bài bạn sau khi đổi chéo vở.  - GV nhận xét, chữa bài, khen HS.  **\* Chốt chuyển**  **D. Hoạt động vận dụng**  **Bài 4: cá nhân**  - Đọc yêu cầu bài tập.  - Bài tập yêu cầu làm gì?  - Bài cho biết gì?  ***\* Hướng dẫn***: So sánh các số rồi sắp xếp theo thứ tự từ gần nhất đến xa nhất.  - GV yêu cầu HS làm bài, sau đó đổi chéo vở kiểm tra kết quả.  - Yêu cầu HS báo cáo kết quả làm bài của mình sau khi đổi chéo vở kiểm tra.  - Gọi HS nhận xét chữa bài.  - GV nhận xét, chữa bài, tuyên dương.  ***Liên hệ nhắc lại***:  1. Trong hệ thập phân cứ 10 đơn vị ở một hàng thì tạo thành mấy đơn vị ở hàng trên liền tiếp nó?  2. Hệ thập phân có bao nhiêu chữ số, đó là những chữ số nào?  3. Với mấy chữ số có thể viết được mọi số tự nhiên? Cho ví dụ.  ***\* Củng cố nối tiếp***  - Qua bài học hôm nay em biết thêm  điều gì?  - Để có thể làm tốt bài tập trên em nhắn nhủ gì tới các bạn trong lớp?  - Nhận xét tiết học.  - Chuẩn bị bài sau: *Yến, tạ, tấn*. | - Trưởng ban Văn nghệ điều khiển các bạn tham gia nhảy vũ diệu rửa tay.  - HS chơi trò chơi.  - Đáp án đúng: A. 125; 126; 127  - Đáp án đúng: A. Không  - Đáp án đúng: C. 32 324  - Đáp án đúng: B. 0,1,2,3,4,5,…  - HS quan sát tranh và thảo luận nhóm đôi.  + Tranh vẽ một người đang ngồi đọc sách và nói “Hệ đếm thập phân gắn với một “máy tính” tự nhiên mà con người có sẵn (10 ngón tay)”.  - HS lắng nghe.  - Nhắc nối tiếp và ghi đầu bài vào vở.  - HS đọc và thảo luận các thông tin có trong khung kiến thức và trả lời các câu hỏi:  - Trong hệ thập phân, cứ mười đơn vị ở một hàng hợp lại thành một đơn vị ở hàng trên tiếp liền nó.  **Ví dụ**: 10 đơn vị = 1 chục  10 chục = 1 trăm  10 trăm = 1 nghìn ....  - Với mười chữ số: 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 có thể viết được mọi số tự nhiên  + Ở mỗi hàng chỉ có thể viết được một chữ số. Giá trị của mỗi chữ số phụ thuộc vào vị trí của nó trong số đó. Chẳng hạn, số 888 có ba chữ số 8, kể từ phải sáng trái mỗi chữ số 8 lần lượt nhận giá trị là 8 ; 80 ; 800.  + Viết số tự nhiên với các đặc điểm trên được gọi là viết số tự nhiên trong hệ thập phân.  **Ví dụ**:  + Chín trăm chín mươi chín viết là: 999.  + Hai nghìn một trăm mười lăm viết là: 2115  + Tám trăm mười hai triệu ba trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm mười một viết là: 812327411  \* Giá trị của chữ số trong một số  - Giá trị của mỗi chữ số phụ thuộc vào vị trí của nó trong số đó.  Trong số 999 có ba chữ số 9. Từ trái qua  phải mỗi chữ số 9 lần lượt nhận giá trị  là: 900;90;9  - So sánh hai số tự nhiên là việc xác định xem số nào lớn hơn, số nào bé hơn hoặc bằng nhau.  - Để so sánh hai số tự nhiên ta có thể thực hiện theo một trong hai cách sau:  (1) Dựa vào vị trí của các số trong dãy số tự nhiên, số nào được đếm trước thì bé hơn  (2) Dựa vào quy tắc so sánh các số có nhiều chữ số,  - HS nghe và nhắc lại.  - HS đọc yêu cầu đề bài.  - Bài tập yêu cầu làm: *Đọc các số*; *Viết các số*  - Lắng nghe.  - HS làm vào vở bài tập phần b, và đọc phần a trực tiếp tại chỗ cùng bạn thảo luận cách đọc và viết các số đã cho.  - Đại diện lớp một số HS làm theo yêu  cầu của GV.  *Lời giải*  a)  - 651 đọc là: Sáu trăm năm mươi mốt  - 5 064 đọc là: Năm nghìn không trăm sáu mươi tư  - 800 310 đọc là: Tám trăm nghìn ba trăm mười  - 9 106 783: Chín triệu một trăm linh sáu nghìn bảy trăm tám mươi ba  - 573 811 000: Năm trăm bảy mươi ba triệu tám trăm mười một nghìn  b) Viết các số sau:  - Hai mươi tư nghìn năm trăm mười sáu: 24 516  - Ba trăm linh bảy nghìn bốn trăm hai mươi mốt: 307 421  - Một triệu hai trăm năm mươi nghìn không trăm mười bảy: 1 250 017  - Mười lăm triệu không trăm bốn mươi nghìn sáu trăm linh tám: 15 040 608  - HS nhận xét, chữa bài.  **Bài 2: nhóm đôi**  - Đọc yêu cầu bài.  - Viết mỗi số sau thành tổng (theo mẫu):  - Cho biết mẫu như sau:    - Dạng khai triển thập phân của một số đó là tách riêng các hàng trong cùng con số đó và các giá trị giảm dần đến hàng nhỏ nhất là hàng đơn vị.  - Học sinh thảo luận nhóm đôi và làm vở bài tập.  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả.  **-** HS nhận xét, chữa bài.  **Bài 3: cá nhân**  - HS đọc yêu cầu bài tập.  **- Số?**    - 3 HS nhắc lại.  - HS làm bài vào vở bài tập, sau đó đổi vở kiểm tra kết quả chéo nhau.  - Trình bày bài làm của mình.  *Lời giải*    - Học sinh nhận xét bài bạn sau khi đổi chéo vở.  **Bài 4: cá nhân**  - Đọc yêu cầu bài tập.  - Đọc thông tin rồi sắp xếp theo thứ tự tăng dần.  - Khoảng cách từ Trái Đất, Sao Kim, Sao Thủy, Sao Hỏa đến Mặt Trời được biểu thị trong bảng bên. Hãy sắp xếp khoảng cách từ các hành tinh trên đến Mặt trời theo thứ tự từ gần nhất đến xa nhất.  - HS nghe.  - HS làm bài, sau đó đổi chéo vở kiểm tra kết quả.  - HS báo cáo kết quả làm bài của mình sau khi đổi chéo vở kiểm tra.  *Lời giải*  ***Ta có:***  57 910 000 < 108 000 000 < 149 600 000 < 227 700 000  Vậy khoảng cách từ các hành tinh đến Mặt trời theo thứ tự từ gần nhất đến xa nhất là:  Sao Thủy, Sao Kim, Trái đất, Sao Hỏa.  - HS nhận xét chữa bài của bạn.  - Nghe.  1. Đặc điểm của hệ thập phân. 10 đơn vị ở một hàng hợp thành một đơn vị ở hàng trên tiếp liền nó.  2. Trong hệ thập phân, 10 ký tự (còn gọi là con số) khác nhau được dùng để biểu đạt 10 giá trị riêng biệt (0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9), tức là 10 con số. Những con số này còn được dùng cùng với dấu thập phân - ví dụ dấu "*phẩy*" - để định vị phần thập phân sau hàng đơn vị.  3. Với 10 chữ số 0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9 ta có thể viết được mọi số tự nhiên  - HS trả lời.  - HS trả lời. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy**

**Môn: KHOA HỌC**

**Bài: Không khí xung quanh ta ( 2 tiết)**

**Ngày dạy: 04/10/2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- Kể được tên thành phần chính của không khí.

- Quan sát, làm thí nghiệm để: nhận biết được sự có mặt của không khí; xác định được một số tính chất của không khí; nhận biết được trong không khí có hơi nước, bụi.

- Trình bày được ứng dụng tính chất của không khí đối với đời sống.

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: Chú ý học tập, tự giác tìm hiểu các thành phần của không khí, các tính chất của không khí, ứng dụng tính chất của không khí đối với đời sống.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Nhận biết và giải thích được ở mức độ đơn giản các hiện tượng về môi trường không khí xung quanh thông qua các thí nghiệm được thực hiện.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Tích cực, sôi nổi và nhiệt tình trong hoạt động nhóm, có khả năng trình bày trước lớp kết quả thảo luận và giải thích cho các thí nghiệm về không khí được thực hiện.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất trách nhiệm: Có ý thức bảo vệ môi trường không khí xung quanh.

**II. Đồ dùng**

**1. Thiết bị dùng chung cho cả lớp:** Hình ảnh về biểu đồ thành phần không khí; các hình ảnh minh họa trong sách giáo khoa cho các thí nghiệm về không khí được thực hiện.

**2. Thiết bị dùng để thực hành theo nhóm, cá nhân:** Bộ dụng cụ thí nghiệm cho từng nhóm: hai cốc nước như nhau, các viên nước đá; một chậu nước, một chai rỗng có nắp đậy, một miếng mút xốp; một chiếc bơm tiêm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **10p**  **10p**  **10p**  **5p** | **2. Không khí có ở khắp nơi**  **HĐ4: Thực hành thí nghiệm nhận biết không khí có ở khắp nơi**  - GV phổ biến cho HS thực hiện thí nghiệm để nhận biết không khí có ở khắp nơi như sau:  *\*Chuẩn bị: Một chậu nước, một chai rỗng có nắp đậy, một miếng mút xốp.*  *\*Tiến hành:*  *+ Mở nắp, để chai ở bất kì vị trí nào xung quanh em rồi đóng nắp lại. Dự đoán trong chai có chứa gì.*  *+ Nhúng phần miệng chai đã được đậy kín ngập trong nước rồi mở nắp chai, em thấy có gì nổi lên mặt nước. Vậy bên trong chai rỗng đó có chứa gì?*  *+ Hãy đưa ra cách làm để chứng minh bên trong những lỗ nhỏ li ti của miếng mút xốp khô có chứa không khí và thực hiện theo cách làm đó.*  - GV chia lớp thành các nhóm 6, phát bộ thí nghiệm cho từng nhóm và yêu cầu các nhóm tiến hành thí nghiệm.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả thí nghiệm, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV đặt câu hỏi: *“Qua hai thí nghiệm trên, cho biết không khí có ở đâu?”*  - GV yêu cầu HS nêu thêm một số vật có chứa không khí xung quanh em.  - GV nhận xét và bổ sung (nếu có).  **3. Một số tính chất của không khí**  **HĐ5: Tìm hiểu một số tính chất của không khí**  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu trong SGK trang 18 – 19.  *“Sử dụng các giác quan để trả lời những câu hỏi sau:*  *+ Em có nhìn thấy không khí không? Vì sao?*  *+ Không khí có mùi gì? Có vị gì?*  *+ Khi em ngửi thấy mùi thơm hay mùi khó chịu thì đó có phải là mùi của không khí không? Cho ví dụ.”*  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời từng câu hỏi, các HS còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu trong SGK trang 19.  *“Em có nhận xét gì về hình dạng của không khí chứa trong các vật dưới đây. Từ đó cho biết không khí có hình dạng nhất định không.”*  sgk tr 19 - KH4 - CD  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 để đưa ra nhận xét về hình dạng của không khí chứa trong các vật trên.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trả lời, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV đặt câu hỏi: *“Không khí có hình dạng nhất định không?”*  - GV nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV phổ biến cho HS thực hiện thí nghiệm để tìm hiểu tính chất giãn nở của không khí như sau:  *\*Chuẩn bị: Một chiếc bơm tiêm như hình 10a.*  *\*Tiến hành:*  *+ Bịt kín đầu dưới bơm tiêm rồi dùng tay ấn ruột bơm tiêm như hình 10b. Sau đó thả tay ra.*  *+ Mô tả hiện tượng xảy ra và giải thích.*  sgk tr 19 - KH4 - CD - 1  - GV chia lớp thành các nhóm 6, phát bộ thí nghiệm cho từng nhóm và yêu cầu các nhóm tiến hành thí nghiệm.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả thí nghiệm, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 để nêu một số tính chất của không khí qua các hoạt động trên.  - GV nhận xét và bổ sung (nếu có).  **4. Vận dụng**  **HĐ6: Tìm hiểu một số ứng dụng tính chất của không khí đối với đời sống**  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu trong SGK trang 19.  *“Tính chất nào của không khí được ứng dụng để làm những đồ dùng trong mỗi hình dưới đây?”*  sgk tr 19 - KH4 - CD - 3  - GV yêu cầu một số HS trả lời, các HS còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 để nêu một số ví dụ khác về việc ứng dụng tính chất của không khí trong đời sống.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trả lời, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét và bổ sung (nếu có).  ***\* Củng cố nối tiếp***  - GV yêu cầu HS về nhà xem lại bài.  - GV yêu cầu HS chuẩn bị nội dung bài học tiếp theo: “Sự chuyển động của không khí”. | - HS lắng nghe.  - HS thực hiện.  - Đại diện một số nhóm trình bày kết quả thí nghiệm, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  *+ Dự đoán trong chai có chứa không khí.*  *+ Thấy có bong bóng nổi lên mặt nước. Vậy bên trong chai rỗng đó có chứa không khí.*  *+ Cách làm để chứng minh bên trong những lỗ nhỏ li ti của miếng mút xốp khô có chứa không khí: Nhúng miếng mút xốp vào nước sẽ thấy có bong bóng khí nổi lên mặt nước.*  - HS trả lời.  *+ Không khí có ở khắp mọi nơi.*  - HS trả lời.  *+ Quả bóng bay, chai, lọ...*  - HS lắng nghe.  - HS đọc yêu cầu.  - HS trả lời.  *+ Không nhìn thấy không khí vì không khí không có màu.*  *+ Không khí không có mùi, không có vị.*  *+ Đó không phải là mùi của không khí. VD: Khi giặt đồ, em sẽ ngửi thấy mùi thơm thoang thoảng trong không khí nhưng đó là mùi xà phòng chứ không phải là mùi của không khí.*  - HS lắng nghe.  - HS đọc yêu cầu.  - HS thực hiện.  - Đại diện một số nhóm trả lời, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  *+ Không khí mang hình dạng các vật chứa nó.*  - HS trả lời.  *+ Không khí không có hình dạng nhất định.*  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện.  - Đại diện một số nhóm trình bày kết quả thí nghiệm, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  *+ Ruột bơm tiêm sẽ dần dần di chuyển lại vị trí ban đầu vì bị không khí có trong ống bơm đẩy lên.*  - HS lắng nghe.  - HS trả lời.  *+ Không khí trong suốt, không màu, không mùi, không vị, không có hình dạng nhất định. Không khí có thể bị nén lại hoặc giãn ra.*  - HS lắng nghe.  - HS đọc yêu cầu.  - Một số HS trả lời, các HS còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  *+ Tính chất của không khí được ứng dụng để làm những đồ dùng trong mỗi hình đó là tính giãn nở và không có hình dạng nhất định mà sẽ phụ thuộc vào hình dạng của đồ vật. Tính giãn nở thể hiện ở chỗ làm căng các đồ vật.*  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện.  - Đại diện một số nhóm trả lời, các nhóm còn lại nhận xét và bổ sung (nếu có).  *+ Khi ta dùng cây bơm để bơm xe đạp: Khi đẩy ruột cây bơm xuống thì không khí bị nén xuống và bị đẩy vào lốp xe.*  *+ Ta thấy quả bóng bay theo nhiều hình dạng khác nhau vì không khí trong quả bóng phụ thuộc vào tạo hình của quả bóng.*  - HS lắng nghe. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy**

**Môn: Hoạt động trải nghiệm**

**Sinh hoạt lớp: Tổng kết dự án Hành lang xanh**

**Ngày dạy: 04/10/2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**

*Sau tuần học này, HS sẽ:*

- Tích cực tham gia hoạt động giáo dục theo chủ đề của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và của nhà trường.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

*- Năng lực giao tiếp, hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

*- Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực riêng:***

- Trang trí hành lang lớp học.

- Xây dựng góc *Nghệ thuật thiên nhiên*.

**3. Phẩm chất**

*- Chăm chỉ, trách nhiệm:* có ý thức tự lập, tự giác tham gia hoạt động của trường lớp; có tinh thần làm việc nhóm tích cực và hiệu quả.

**II. PHƯƠNG PHÁP VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC**

**1. Phương pháp dạy học**

- Hoạt động nhóm, thực hành, trực quan.

- Nêu vấn đề và giải quyết vấn đề.

**2. Thiết bị dạy học**

**a. Đối với giáo viên**

- Giáo án, SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 4.

- Tranh ảnh liên quan đến dự án *Hành lang xanh*.

- Các dụng cụ cần thiết vào hoạt động thực tế.

**b. Đối với học sinh**

- SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 4.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **35p** | **Hoạt động 1: Hoạt động tổng kết tuần**  - GV tổ chức cho HS tham quan các sản phẩm đã làm trong dự án.  - GV hướng dẫn HS chia sẻ theo nhóm các nội dung sau:  + Cảm nhận của em sau khi tham quan các sản phẩm đã làm trong dự án.  + Những công việc em đã làm trong dự án.  + Cảm xúc của em sau khi tham gia thực hiện dự án.  - GV mời đại diện các nhóm lên trước lớp chia sẻ các nội dung trên.  - GV tổng kết và khen ngợi sự tích cực tham gia dự án của HS cả lớp.  - GV hướng dẫn HS tự đánh giá kết quả đã đạt được sau khi tham gia các hoạt động của chủ đề Trường em xanh, sạch, đẹp.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Em tự đánh giá kết quả học được từ chủ đề theo gợi ý | | | | Hoàn thành tốt | Hoàn thành | Chưa hoàn thành | | - Tìm hiểu thực trạng vệ sinh trường lớp. | | | | - Xây dựng và thực hiện kế hoạch lao động trong nhà trường. | | | | - Thực hiện những việc làm cụ thể để giữ gìn trường học xanh, sạch, đẹp. | | | | - Tích cực tham gia giáo dục theo chủ đề của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và nhà trường. | | |   - GV nhận xét về ý thức học tập của một số bạn trong lớp và tiến hành tuyên dương bạn có ý thức tốt, nhắc nhở bạn có ý thức chưa tốt. | - HS tham gia tham quan theo hướng dẫn của GV.  - HS chia sẻ theo nhóm.  - HS chia sẻ trước lớp các nội dung vừa chia sẻ theo nhóm.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS tự đánh giá theo mẫu.  - HS lắng nghe, tiếp thu. |

**IV. Điều chỉnh sau tiết dạy**